

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG**QUYỂN 14****TỊNH PHÁP TỰ TRONG NHÂN PHÁP**

- Có hai mươi một môn:

- 1- Nghĩa mười tướng
- 2- Nghĩa mười nhất thiết nhập
- 3- Nghĩa mười thánh xứ
- 4- Nghĩa mười thứ ủy dụ
- 5- Nghĩa mười nguyện
- 6- Nghĩa mười thứ cúng dường
- 7- Nghĩa mười vô tận tạng
- 8- Nghĩa mười tín hạnh
- 9- Nghĩa mười mười minh
- 10- Nghĩa mười nhẫn
- 11- Nghĩa mười vô sinh nhẫn
- 12- Nghĩa mười trụ
- 13- Nghĩa mười hạnh
- 14- Nghĩa mười hồi hướng
- 15- Nghĩa mười địa
- 16- Nghĩa mười công đức
- 17- Nghĩa mười pháp thấy tánh
- 18- Nghĩa mười nhân niết bàn
- 19- Nghĩa mười lực của Bồ Tát
- 20- Nghĩa mười Vô úy của Bồ tát
- 21- Nghĩa mười địa cộng ba thừa

1. NGHĨA MƯỜI TƯỚNG:

Phân biệt có năm môn:

- 1- Giải thích tên, nói về tướng.
- 2- Nói về Thể tánh.
- 3- Phân biệt theo chốn nơi.

4- Phân biệt theo nhân.

5- Phân biệt theo thọ.

1. Giải thích tên gọi nói về tướng:

Quán tâm ở nơi pháp, chấp tướng danh tướng. Phân biệt Tướng khác nhau, một môn mà nói có mười, mười tướng là:

- Tướng vô thường
- Tướng khổ.
- Tướng vô ngã.
- Tướng nhằm chán ăn
- Tướng tất cả thế gian không đáng ưa thích
- Tướng chết.
- Tướng bất tịnh
- Tướng đoạn
- Tướng xa lìa
- Tướng diệt (cũng gọi là tướng tận).

1. Tướng vô thường:

Quán pháp hữu vi thay đổi không thường còn, nên gọi là vô thường, vô thường có ba:

- Phần đoạn vô thường: Quả báo trong sáu đường ba đời đổi khác, trong đó có hai:

Thân hữu dư chết gọi là còn (tại)

Thân vô dư chết gọi là mất (diệt)

- Niệm vô thường: Niệm niệm bốn tướng hữu vi thay đổi.

- Tự tánh không thành thật vô thường: Nhân duyên pháp hữu vi hư tập, không có tánh nhất định. Sinh tức vô sinh, diệt tức vô diệt. Như ngài Long Thọ nói: “Thấy thân diệt tận (tức phần đoạn vô thường ở phần thứ nhất), mới sinh diệt (là niệm vô thường), khi sinh không đến lúc diệt không đi (là tự tánh không thành thật vô thường)”. Do quán ba thứ này thì dứt được phiền não.

Hỏi: Có người do thấy vô thường lại thêm lớn phiền não, sợ tuổi thọ chẳng còn bao lâu nên khởi sâu đắm nhiễm, vì sao nay lại nói tướng vô thường dứt được phiền não ?

Ngài Long Thọ giải thích: Người thấy như thế gọi là thấy ít phần, chẳng cho là thấy đầy đủ. Nếu người thấy đầy đủ thì phá được phiền não. Thế nào là đầy đủ? Như xưa Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: “Phải tu tập đầy đủ tướng vô thường”. Vô thường cho nên không. Khi được không thì vô thường cũng không sinh trụ diệt v.v... không thấy có. Khi

thấy sinh trụ diệt không thật có thì, gọi là cứu cánh Tự tánh vô thường. Tánh đã vô thường thì đâu ưa thích tham.

Hỏi: Nếu nói khi được không thì vô thường cũng không, vì sao Phật nói nghĩa vô thường thật là khổ đế?

Luận nói: Phật vì người tà kiến cho rằng thế gian là thường, nên nói vô thường là khổ chắc thật, chẳng phải nói vô thường là thật.

2. *Tưởng khổ*: Quán pháp hữu vi vô thường nên khổ, khổ có ba thứ là: Khổ khổ, Hoại khổ, Hành khổ, là nghĩa trong chương bốn Đế ở trước, phân biệt rộng đầy đủ.

Hỏi: Nếu nói pháp đều là khổ, vì sao lại có ba thọ khác nhau là Khổ, Lạc và Xả?

Luận nói: Như Kinh Niết-bàn nói: “Phàm phu đối với khổ vọng sinh tưởng vui” mà lý thật là khổ.

Hỏi: Nếu pháp vô thường nên khổ, vậy thể vô thường của Thánh đạo là khổ phải không?

Ngài Long Thọ giải thích: Vô thường nên khổ, là vì nói theo năm thọ ấm hữu lậu, chẳng nói vì Thánh đạo. Sở dĩ như vậy vì đạo phá được Khổ và Không, Vô ngã, thật là nghĩa tương ưng. Nên tuy vô thường mà chẳng phải khổ.

Hỏi: Năm ấm vô thường của bậc Thánh, khi năm ấm này hoại thể bậc Thánh có khổ chăng?

Ngài Long Thọ giải thích: Người có tâm mê đắm, lúc pháp hoại sẽ khổ. Bậc Thánh không mê đắm, nên tuy vô thường mà không sinh khổ.

Hỏi: Nếu nói bậc Thánh không khổ, vậy như trong kinh nói Xá-lợi-phất bị bệnh phong làm khổ, Tất-lăng-già-bà-xa bị bệnh mắt làm khổ, tỳ-kheo La-bà-sa bị bệnh trĩ làm khổ, vì sao nói không?

Luận nói: Bậc Thánh chỉ không có khổ tâm, chẳng phải không có khổ thân.

Hỏi: Nếu bậc Thánh không có khổ tâm, vì sao diệt trí mà chấp diệt độ?

Giải thích rằng: “Không” chỉ là không đuổi theo cái khổ biến đổi bại hoại, chẳng phải không có Khổ khổ, Hành khổ.

3. *Tưởng Vô ngã*: Pháp hữu vi vô thường, khổ không được tự tại nên không có ngã. Lại tất cả pháp đều không có tánh nhất định, nên không có ngã. Vô ngã có hai:

1/ Chúng sinh vô ngã.

2/ Pháp vô ngã.

Nghĩa này như trong chương Vô ngã ở trước có phân biệt rộng.

Hỏi: Hiện thấy có sự tạo tác, vì sao nói ngã không?

Luận nói: Chỉ là năm ấm hoà hợp nhân duyên khởi tạo tác, thật không có ngã.

Hỏi: Vô thường, Khổ và Vô ngã là một hay khác? Nếu thể là một chẳng nên nói ba, nếu thể là khác thì Phật không nên nói vô thường là khổ, khổ là vô ngã?

Luận nói: “Theo sự là một, tùy theo nghĩa chia làm ba”, chia ra có năm nghĩa:

Tùy quán, chia làm ba:

Hành vô thường chỗ quán Sát nói là vô thường.

Quán hành khổ nói là khổ.

Quán hành vô ngã gọi là vô ngã.

Chỗ tạo tác, chia làm ba:

Tu tưởng Vô thường là không nhập ba cõi.

Tu tưởng Khổ tập là biết lỗi của ba cõi.

Tu tưởng Vô ngã là xả ba cõi.

Đối trị kiến chấp, nói có ba:

Tu tưởng Vô thường đối trị Thường kiến.

Tu tưởng Khổ tập đối trị chấp vui.

Tu tưởng Vô ngã đối trị chấp Ngã.

Trừ chướng, có ba:

Tu tưởng Vô thường dứt trừ tâm ái.

Tu tưởng Khổ tập dứt trừ tự cao ngã mạn.

Tu tưởng Vô ngã dứt trừ các kiến chấp.

Gốc ngọn, có ba:

Luận nói: “Năm ấm là vô thường, vô thường là khổ, khổ là vô ngã”. Do đây các nghĩa chia làm ba thứ.

4. *Tưởng nhàm chán ăn*: Quán các thức ăn phần nhiều từ nhân duyên bất tịnh mà sinh. Như thịt từ máu mủ mà sinh ra, sữa cũng từ máu sinh. Các thức ăn khác phần nhiều là các loại côn trùng như bần, các thứ như nhớp đến trong miệng kia, trôi xuống lồng ngực, hòa hợp với nước miếng, vào trong bụng thành phẩm, nên không đáng ưa thích.

Lại quán các thức ăn tốn nhiều công sức mà được, vì tìm cầu để ăn mà thọ các thứ khổ, nên phải nhàm chán xa lìa, nên quán Sát tội lỗi tham ăn đọa vào địa ngục nuốt sắt uống đồng, đọa vào loài ngạ quỷ chịu khổ đói khát, đọa trong loài súc sinh ăn các phần ối. Vô lượng tất cả các khổ như thế phần nhiều do ăn mà sinh, nên phải sinh tâm nhàm

chán.

5. *Tưởng tất cả thế gian không đáng ưa thích*: Quán các thế gian đều là vô thường, khổ, không đáng ưa thích. Ở thế gian có hai thứ:

- Chúng sinh thế gian
- Khí thế gian.

Chúng sinh thế gian: Có năm việc không đáng ưa thích:

- Có đủ tám khổ, nên không đáng ưa thích.
- Có đủ vô lượng phiền não kiết sử, nên không đáng ưa thích.
- Có đủ các nghiệp ác, nên không đáng ưa thích.
- Khó có đủ các việc tốt, nên không đáng ưa thích. Hoặc có hành thiện mà thân khổ não, hoặc thân an vui mà hành bất lương, hoặc ưa bố thí mà nghèo, hoặc giàu có mà keo kiệt, hoặc nhu nhược mà tham, hoặc ít muốn mà thường sân hận. Tất cả các việc như thế khó có thể trọn vẹn.

- Khó xứng đáng, nên không đáng ưa thích. Hoặc thấy thấp hèn mà cho là cong vạy, hoặc thấy ngay thẳng mà cho là ngã mạn, hoặc thấy gần gũi rồi cho là tham cầu, hoặc thấy xa lạ mà cho là ghét bỏ.

Tất cả chúng sinh thế gian như thế, có năm việc không đáng ưa thích.

Khí thế gian: Cũng có nhiều thứ không đáng ưa thích, hoặc nóng hoặc lạnh, hoặc lụt hoặc hạn, hoặc tai ách, hoặc nguy hiểm, hoặc thêm lớn bất thiện, hoặc nhiều điều sợ hãi. Tất cả những thứ như thế không đáng ưa thích.

Hỏi: Trước nói Vô thường, Khổ v.v... tức là không vui, đâu cần nói riêng tất cả thế gian không đáng ưa thích?

Luận nói: Quán hành có chung có riêng. Trước nói vô thường, khổ là quán chung. Còn ở đây là quán riêng. Lại trước nói vô thường, khổ là lỗi quả trách pháp. Đây không đáng ưa thích là quán lỗi chúng sinh. Trước là Vô lậu, đây là Hữu lậu. Trước là Kiến đạo, đây là Tu đạo, nên lại nói như vậy.

6. *Tưởng chết*: Quán Sát thân này chẳng bao lâu sẽ hoại diệt, sẽ bị vô lượng chôn, sói, dã can đến ăn thịt.

7. *Tưởng bất tịnh*: Quán Sát thân này có năm thứ bất tịnh:

Hạt giống bất tịnh: Thân này là nghiệp phiền não quá khứ lấy làm hạt giống, hiện tại do tinh cha huyết mẹ làm hạt giống.

Chỗ ở bất tịnh: Thân trong bụng mẹ, ở dưới sinh tạng, ở trên thực tạng.

Tự thể bất tịnh: Do ba mươi sáu vật nhóm họp mà thành thể

mình.

Tự tướng bất tịnh: Chín lỗ thường chảy ra chất dơ.

Rốt ráo bất tịnh: Thân này chết rồi chôn thì thành đất, đốt thì thành tro, giòi ăn thành phần. Rốt cuộc không có một thứ gì gọi là trong sạch cả.

8, 9, 10. *Tướng đoạn, lia, diệt*: Giải thích có Chung và riêng:

Nói về Chung: Như trong Luận Thành Thật nói “Dứt tất cả Hành gọi là đoạn, lia tất cả Hành gọi là lia, diệt tất cả Hành gọi là Diệt”. Những đồng thể này theo nghĩa mà chia làm ba. Ngài Long Thọ cũng nói: “Duyên pháp Niết-bàn dứt các kiết sử gọi là đoạn, lia các kiết sử gọi là lia, diệt các kiết sử gọi là diệt”. Phần nghĩa đồng thể như pháp khổ, vô thường, vô ngã v.v... là phần nghĩa đồng thể.

Nói về Riêng:

Như trong Luận Thành Thật nói có năm nghĩa:

Siêng năng dứt ác đã sinh, chưa sinh gọi là Đoạn, tức dứt nghiệp ác; khiến nghiệp kia tận cùng không sinh lại, nên nói là lia, là lia phiền não; do đoạn nhân nên năm ấm chẳng sinh gọi là Diệt.

Dứt vô minh lậu gọi là Đoạn; lia dục lậu, hữu lậu gọi là lia; diệt hai quả này gọi là Diệt.

Dứt vô minh được tuệ giải thoát gọi là Đoạn; trừ lia tham ái được tâm giải thoát gọi là lia; được đầy đủ giải thoát, diệt tận si ái gọi là Diệt.

Do Thánh đạo dứt các phiền não gọi là Đoạn; được Niết-bàn Hữu dư nói là lia; được Niết-bàn Vô dư gọi là Diệt.

Được tận trí gọi là Đoạn, được trí vô sinh nói là lia; thân trí đều mất nói là Diệt.

Nương ba nghĩa sau, Luận Đại Trí Độ nói có khác nhau:

Dứt ba độc gọi là Đoạn; đoạn nhân ba đường lia ái gọi là lia; lia hết nhân khổ trời người gọi là Diệt, diệt quả của năm đường.

Tu bốn thứ hiện nhẫn, xa lia phiền não gọi là lia, Tu đạo vô lậu dứt các phiền não gọi là Đoạn, khi nhập Niết-bàn dứt hết các khổ gọi là Diệt.

Được Niết-bàn Hữu dư dứt các phiền não gọi là Đoạn, được Niết-bàn Vô dư dứt hết các khổ gọi là Diệt; nói hai phương tiện này gọi là lia.

Phần nói về môn này đã xong.

2. Nói về thể tánh: Có hai:

Phân biệt về mặt tâm pháp : Như trong luận nói: “Mười thứ này là trí tuệ tự tánh”.

Hỏi: Nếu đây là tánh trí tuệ, vì sao gọi là Tưởng?

Giải thích: Có ba nghĩa:

Tâm tâm pháp lại cùng được tên: Như bốn niệm xứ nói thể thật là tuệ mà tên là Niệm. Ở đây cũng như thế, thể thật là tuệ mà tên là Tưởng.

Từ đồng bạn mà đặt tên: Tuệ và tưởng cùng chung nên gọi là Tưởng, Luận giải thích rằng: “Cùng quán tưởng vô thường tuệ tương ưng gọi là Tưởng vô thường”. Ngoài ra cũng như thế.

Theo thời mà được tên:

Hành có ba thời:

(1) Tu tập MƯỜI pháp thiện thọ pháp chẳng mất, gọi là niệm tu hành thứ lớp, chuyển tướng chuyển tâm gọi là Tưởng.

(2) Nói chuyển tướng là chuyển chỗ chấp tướng cố định khi xưa là phàm.

Nói chuyển tâm là chuyển tâm chấp cố định khi xưa là phàm. Tu hành trọn thành, đối với các pháp quyết định không nghi gọi là trí tuệ.

Phân biệt về mặt Hữu lậu, Vô lậu: Luận tự giải thích rằng: Trước có ba, sau có ba, chung cả lậu vô lậu. Trước học hữu lậu, sau thành vô lậu, trung gian bốn thứ thuận là hữu lậu.

3. Phân biệt theo nơi chốn:

Nơi chốn có chia làm hai:

- Địa vị thiên: Trước có ba, sau có ba. Hoặc hữu lậu ở Mười một địa, nghĩa là cõi Dục, tám thiên, vị lai, trung gian. Hoặc hữu lậu, các tông khác nhau. Trong Luận Tỳ-đàm chỉ ở Cửu địa, Bốn thiên căn bản, Vị lai, Trung gian và ba Vô Sắc. Trong Luận Thành Thật nói nương Thất địa và cõi dục Điển quang. Trong pháp Đại thừa ở Mười một địa đồng với hữu lậu. Cõi Dục của Đại thừa và Phi tưởng địa hữu lậu, vô lậu, trung gian bốn thứ là hữu lậu ở Thập nhất địa.

- Nơi cảnh giới: Nhàm chán thức ăn bất tịnh chỉ duyên cõi Dục, ngoài ra chung cho ba cõi. Ở địa vị Tam đạo, như Ngài Long Thọ nói: “Ban đầu là Tam kiến đạo, kế đến bốn tu đạo, sau cùng là ba học vô lậu”.

Nơi chốn phân biệt như thế.

4. Phân biệt theo nhân

Như Long Thọ nói: “Phàm Thánh khởi chung”.

5. Theo năm thọ phân biệt mười tướng:

Như Long Thọ nói: “Trước có ba, sau có ba”. Nếu vô lậu thì hỷ, lạc và xả, tương ứng ba căn. Tại Sơ thiền, Nhị thiền tương ứng hỷ căn. Tại Tam thiền tương ứng lạc căn. Trong các thiền là tương ứng xả căn. Ngoài ra tất cả là tương ứng tứ căn, trừ một căn khổ.

Đó là Mười tướng.

2. NGHĨA MƯỜI NHẤT THIẾT NHẬP:

Chia ra bốn môn:

- 1- Giải thích tên gọi, nói về tướng.
- 2- Nói về thể tánh.
- 3- Phân biệt theo xứ.
- 4- Y cứ theo các môn khác mà nói về hơn kém.

1. Giải thích tên gọi nói về tướng:

Nhất thiết nhập trong kinh cũng gọi là Nhất thiết xứ. Nhập cũng là tên riêng khác của Xứ. Định tâm tự tại khiến cho chỗ duyên tướng đều còn, gọi là Nhất thiết xứ. Xứ, phân biệt khác nhau một môn, nên nói có mười, thế nào là mười?

1. Xanh. 2. Vàng.
3. Đỏ. 4. Trắng.
5. Đất. 6. Nước.
7. Lửa. 8. Gió.
9. Không. 10. Thức.

Nếu theo Kinh Niết-bàn thì bỏ “Hỏa nhất thiết” mà thêm “Vô sở hữu” hợp thành mười. Hành giả trước buộc ý, an tĩnh thân mình giữ một ít tướng xanh, rốt cùng cho rõ ràng như trong gương sáng thấy các sắc tướng, cho đến dần dần rộng khắp thế giới, cùng một màu xanh, gọi là “Thanh nhất thiết xứ”. Vàng, đỏ, trắng v.v... cũng như thế. Ở đây xanh, vàng v.v... do bốn đại tạo, nên thứ lớp mà quán. Trước ở thân mình quán một ít tướng đất, rốt cùng cho rõ ràng, dần dần rộng trùm khắp thế giới, tất cả là một thứ đất, gọi là “Địa nhất thiết xứ”. Nước, gió, lửa v.v... cũng đồng như thế. Tai hoạn của sắc có nhiều lỗi. Kế đến xả tướng sắc duyên vô biên hư không, trước duyên vào cổ họng, mũi, miệng v.v... là không, tột cùng cho rõ ràng, cho đến dần dần rộng, thấy tất cả cõi, đồng là một hư không, gọi là “Không nhất thiết xứ”. Họa của quán không kia

bị duyên bên ngoài nhiễu loạn. Kế đến xả tướng Không vô biên thức, ban đầu quán một thức tốt cùng cho rõ ràng, có chỗ cho là quán ở duyên một không thức, cho đến dần dần rộng, duyên Vô biên thức đều khiến rõ ràng, gọi là “Thức nhất thiết xứ”.

Hỏi: Vì sao tâm thức vô biên?

Luận nói: Vì hư không kia vô biên, thức duyên không cũng lại vô biên.

Hỏi: Vì sao không quán thọ?

Theo Luận Thành Thật giải thích: Chấp ở nơi địa v.v... chỉ là tâm thức, nên chỉ riêng quán thức. Lại, thức là chính nên nghiêng về quán thức.

Hỏi: Vì sao chỉ nói Không, Thức, là Nhất thiết xứ, mà chẳng nói Phi tướng và Vô sở hữu là Nhất thiết xứ?

Luận Tạp Tâm giải thích: Hành giả trước nhập vào ba giải thoát, chẳng thể tiến lên cao siêu. Thứ đến nhập Tám thứ cao siêu, tuy nhập chỗ cao quý mà không thể vô biên, cho nên nhập Bốn thứ xanh v.v... Nhất thiết xứ.

Ở đây xanh, vàng nương vào đâu? Nương bốn đại tạo nên quán bốn đại như đất v.v... nhất thiết xứ. Vì sao ở đây mà được thăng tiến? Nghĩa là giác biết vô biên không, biết này nương vào đâu? Nghĩa là nương tâm thức. Thức lại nương vào đâu? Thì không có chỗ nương, cho nên ở trên chẳng lập.

Ngài Long Thọ giải thích: Hư không rộng lớn, Phật nói hư không vô lượng vô biên, nên nói hư không là “nhất thiết xứ”. Hướng về chín thứ trước trong “nhất thiết quán” đều có tâm thức, tâm thức hay duyên tất cả các pháp, trong tất cả pháp đều thấy có thức, nên nói tâm thức là “nhất thiết xứ”. Trong vô sở hữu lược bỏ nhiều thức, chỉ duyên một thức, một thức chẳng rộng, cho nên không nói là “tất cả xứ”.

Trong Phi tướng địa, tâm niệm sâu kín mà lại tinh thuần khó bị chấp tướng, khó có thể làm cho rộng, cho nên cũng không nói là “Nhất thiết xứ”?

Lại Không xứ trong đạo phương tiện, hay duyên xuống địa sắc vô biên. Về mặt quán Không, Thức xứ phương tiện hay duyên xuống địa vô biên sắc không. Về mặt quán thức, hai địa này gọi là “Nhất thiết xứ”. Đối với hư không như cho nên chẳng lập.

Kinh Niết-bàn vì sao trừ “Hỏa nhất thiết” mà lập “Vô sở hữu” làm “nhất thiết xứ”? Như Luận Tăng Tập giải thích: Kia là việc “Bà-la-môn thờ lửa” nên nói như thế. Nếu ngay lúc nói “Hỏa nhất thiết xứ”

thì kia sẽ thêm lớn tà kiến, do đó bỏ đi. Vô sở hữu xứ tuy không nhiều thức, mà chẳng phải không ít thức, làm thành mười số, nên nói chung là “Nhất thiết xứ”.

2. Nói về thể tánh:

Có hai:

- Phân biệt tâm pháp: Y theo tướng riêng mà chia ra tám thứ trước là tánh vô tham, nên đối trị tham dục. Hai thứ sau là tướng tánh. Chung thì mười thứ đều là tướng tự tánh, nên quán giả tướng. Luận Thành Thật cũng nói: “Mười thứ đều là tánh tuệ, do đó nên quán pháp.

- Phân biệt theo hữu lậu, vô lậu: Mười hữu lậu này, ý nói giải thích quán này.

Hai môn đã xong

3. Nói theo xứ:

Trong xứ có ba:

1. Xứ Thiên địa: Trong mười thứ, tám thứ trước nương Đệ tứ thiên, Không thức, Thức xứ đều nói ngay nơi địa này. Tám thứ trước kia nương Đệ Tứ thiên phát khởi đạo giải thoát, là ngăn ngừa lỗi. Hai thứ sau là Không xứ, Thức xứ, thuộc về địa phương tiện. Trong đạo phương tiện hay duyên rộng.

2. Xứ Cảnh giới: Theo A-tỳ-đàm và Luận Đại Trí thì tám thứ trước là cõi Dục tịnh sắc làm cảnh, vì ngăn ngừa lỗi tham dục ở cõi Dục. Luận Thành Thật cho tám thứ trước là lấy pháp dục sắc trong cõi sắc làm cảnh, nên ở phẩm Nhất Thiết Nhập trong Luận Thành Thật nói: “Nếu duyên sắc của cõi Dục, cõi Sắc, thì lỗi gì?” Hai thứ sau đều là pháp duyên ngay địa này.

Hỏi: Chỗ duyên là hư hay thật?

Luận nói: Trước là thật, sau là giả, ý rất dễ hiểu.

Hỏi: Chỗ thấy và thần thông, tạo tác có gì khác nhau?

Giải thích: Thần thông, tạo tác, sắc tượng khiến cho người khác thấy, còn ở đây chỉ tự thấy. Lại thần thông, tạo tác được thọ dụng chân thật, còn ở đây chỉ là ý hiểu không được thông dụng, có khác với kia.

3. Xứ Nhân vị: Phạm phu, bậc Thánh đều được khởi tu.

4. Đối với các môn quyết định phân biệt hơn kém:

Trong đó, lấy tám nhất thiết xứ đối với tám thắng xứ và tám giải là Trung. Ban đầu lấy Ba giải thoát mà quyết định hơn kém.

Theo luận Thành Thật về “Nhất thiết xứ” là Hạ, một bề là hữu lậu phát khởi ở ngoại phàm. Tám thắng là Trung, sơ học hữu lậu, sau thành vô lậu, phát khởi ở nội phàm. Giải thoát là tối thượng, một bề vô lậu, phát khởi ở Tu đạo.

Nếu theo Luận Tỳ-dàm thì Ba giải thoát trước là quán tướng chung, nên nói là thấp nhất. Kế đến tám giải dần rộng, gọi là Trung. “Nhất thiết nhập” quán rất rộng, nên nói là Thượng. Trong Luận Đại Trí cũng đồng thuyết này, nên văn kia nói: “người Hạ phẩm gọi là Bối xả. Người Trung phẩm gọi là Thắng xứ. Người Thượng phẩm gọi là Nhất thiết xứ, nghĩa này thế nào? Ban đầu tu Bối xả, đối với năm dục lại chẳng hỷ lạc, vì chưa lậu tận. Trung gian sinh kiết sử ái trước vào tịnh sắc, lại siêng năng tinh tấn dứt tâm ái trước này, biết tịnh sắc từ tâm tưởng sinh, thí như nhà ảo thuật thấy các việc huyền không sinh tâm mê đắm. Khi ấy, Bối xả chuyển gọi là Thắng xứ. Nhưng, ở đây tuy cao quý chưa được rộng lớn, lúc này hành giả lại chấp tướng tịnh, dần dần rộng lớn trùm khắp hư không, thấy tất cả tướng xanh, vàng, đỏ, trắng và thấy tướng đất, nước, gió, lửa. Bấy giờ Thắng xứ chuyển gọi là Nhất thiết xứ.

Mười nhất thiết xứ, lược nói như thế.

3. NGHĨA MƯỜI THÁNH XỨ:

Như Luận Thành Thật nói: Chỗ Thánh sinh gọi là Thánh xứ. Lại chỗ nương của bậc Thánh cũng gọi là Thánh xứ. Thánh xứ khác nhau một môn nên nói có mười, mười Thánh xứ là:

Dứt năm pháp
Thành sáu pháp
Giữ một pháp
Nương bốn pháp
Bỏ ngụy đế
Bỏ các mong cầu
Tư duy không ô trược
Lìa thân hành
Khéo được tâm giải thoát
Khéo được tuệ giải thoát.

Dứt năm pháp: Dứt năm phần kiết sử trên, đặc quả A-la-hán. Nghĩa năm kiết sử phần trên như ở trước giải thích rộng.

Thành sáu pháp: Thành tựu Sáu diệu hạnh, giải thích rộng như trước.

Giữ một pháp: Buộc niệm, quán thân vô thường, khổ v.v...

Nương bốn pháp: Nương bốn bậc Thánh, bỏ hình hài đi khát thật.
Cho đến bị bệnh, lành bệnh, bỏ thuốc.

Xả bỏ nguy đố: Thông đạt được thật tướng, dứt tất cả kiến chấp, chứng được Sơ quả.

Xả bỏ các mong cầu: Như luận kia nói mong cầu có ba thứ là:

Dục cầu: Cầu pháp cõi Dục.

Hữu cầu: Cầu hai cõi trên (cõi Sắc và cõi Vô sắc).

Phạm hạnh cầu: Cầu học đạo.

Xả bỏ ba sự mong cầu này được quả Vô học, gọi là xả bỏ các mong cầu.

Xả bỏ không ô trước: Dứt phiền não cõi Dục để tu đạo, được ba quả trước.

Lìa thân hành: Dứt kiết sử cõi Dục sẽ được Tứ thiên.

Tâm giải thoát: Nghĩa là Tận trí.

Tuệ giải thoát: Được Vô sinh trí.

Trong mười thứ này, hai thứ trước từ quả A-na-hàm được A-la-hán, bốn Thánh xứ kế là tứ ngoại phạm phu thứ lớp tăng tiến được quả A-la-hán, bốn Thánh xứ sau cùng là từ Tu-đà-hoàn rốt cùng được A-la-hán.

Nghĩa mười Thánh xứ lược nói như thế.

4. NGHĨA MƯỜI THỨ AN ỦI:

Nghĩa mười thứ an ủi xuất phát từ kinh Xá-Lợi-Phất Giáo Hóa Người Bệnh, trong Trung A-hàm, có Trưởng giả tên Tu-đạt-đa, bị bệnh nặng, bèn sai người đến hỏi đức Thế tôn và thỉnh ngài Xá-lợi-phất, mong được một phen chiếu cố. Ngài Xá-lợi-phất liền đến, Tu-đạt từ xa trông thấy liền muốn bước xuống giường, Ngài Xá-lợi-phất ngăn lại, đến ngồi giường an ủi ông: “Trưởng giả chớ sợ hãi bởi vì phạm phu ngu si thành tựu bất tín, nên khi qua đời sẽ rơi vào đường ác, đọa vào địa ngục. Trưởng giả ngày nay không có tâm bất tín mà có lòng tin cao tốt. Do lòng tin cao tốt này sẽ diệt được đau khổ, sinh vui thích tốt cùng; hoặc sẽ được quả Tư-đà-hàm, hoặc được quả A-na-hàm”. Trưởng giả trước đã được quả Tu-đà-hoàn, vì vậy không nói.

Trong đây là:

An ủi

Dây đủ thiện giới

Nghe nhiều

Tuệ thí
 Thiện tuệ
 Chánh kiến
 Chánh chí
 Chánh giải
 Chánh thoát
 Chánh trí.

Trong mỗi, pháp An ủi tương tự với cái ban đầu. Trong mười thứ thì năm thứ trước là Thiện thế gian, năm thứ sau là thiện Xuất thế. Trong Xuất thế thì Chánh kiến, Chánh chí là đạo Vô ngại. Tuệ gọi là Chánh kiến. Chánh tư duy gọi là Chánh chí. Chánh giải chánh thoát gọi là đạo Giải thoát. Tuệ gọi là Chánh giải. Các tâm, tâm pháp gọi là Chánh thoát. Học đẳng kiến gọi là Chánh trí. Người học nặng về lý quán bốn Đế gọi là học Đẳng kiến.

Mười thứ An ủi giải thích sơ như vậy.

5. NGHĨA MƯỜI NGUYỆN

Có chia ra năm môn:

- 1- Giải thích nghĩa mười nguyện.
- 2- Phân biệt y cứ sự tu hành.
- 3- Nói theo hạnh.
- 4- Phân biệt theo hành vị.
- 5- Phân biệt nhân quả.

1. Giải thích nghĩa mười nguyện:

Mười nguyện xuất xứ từ kinh Thập Địa. Theo chỗ mong cầu danh nghĩa làm nguyện. Nguyện riêng khác nhau một môn nên nói có mười, mười nguyện là:

Nguyện cúng dường Phật (cũng gọi là nguyện nhiếp công đức).
 Nguyện giữ gìn chánh pháp (cũng gọi nguyện nhiếp trí tuệ).
 Nguyện nhiếp pháp thượng thủ.
 Nguyện làm cho tâm hạnh chúng sinh thêm lớn.
 Nguyện biết chúng sinh (cũng gọi nguyện giáo hóa chúng sinh).
 Nguyện giáo hóa thế giới.
 Nguyện cõi Phật thanh tịnh.
 Nguyện đồng tâm đồng hành
 Nguyện ba nghiệp chẳng luống.
 Nguyện thành Bồ-đề.

Nguyện cúng dường Phật: Đem tất cả đồ ưa thích cúng dường đầy đủ cho tất cả chư Phật, gọi là Nguyện cúng dường. Do công đức này nhiếp được sự công đức cao quý, nên cũng gọi là Nguyện nhiếp công đức.

Hỏi: Năm độ đều là công đức, vì sao trong đây chỉ nghiêng về Nguyện cúng dường để nhiếp công đức?

Giải thích: Trước là lấy Địa đàn độ làm tông, cúng dường là chỗ thâm nhiếp của Đàn độ kia, nên chỉ nói về cúng dường, lý thật đầy đủ.

Hỏi: Các nơi phân nhiều cúng dường Tam bảo, nay ở đây vì sao chỉ nguyện cúng dường Phật?

Giải thích: Về đạo lý là nguyện cúng dường Tam bảo. Theo ban đầu, tùy sự cao quý mà lược nói là cúng dường Phật. Lại Phật là quả mà ta mong cầu, cũng là chỗ hướng đến mong cầu, nên chỉ nói cúng dường Phật.

Nguyện giữ gìn chánh pháp: Đối với giáo pháp, hành pháp, chứng pháp của chư Phật đều nhiếp trì không mất, gọi là Nguyện hộ pháp. Do hộ pháp này thêm lớn được trí tuệ, nên cũng gọi là Nguyện nhiếp trí tuệ.

Nguyện nhiếp pháp thượng thủ: Khi thành tựu tám tướng của tất cả chư Phật đến cúng dường tột cùng, thì nhiếp pháp làm đầu, gọi là Nguyện nhiếp pháp thượng thủ.

Nguyện làm cho tâm hạnh chúng sinh: Thêm lớn do tất cả Bồ-tát tu các hạnh, giáo hóa tất cả khiến chúng sinh lãnh thọ tâm hành được thêm lớn, gọi là Nguyện làm cho tâm hạnh chúng sinh thêm lớn.

Nguyện biết chúng sinh: Biết tất cả chỗ chúng sinh khác nhau mà giáo hóa, gọi là Nguyện biết chúng sinh. Tùy theo chỗ kia mà biết giáo hóa khiến cho sinh niềm tin mà nhập đạo Ba thừa, nên cũng gọi là Nguyện giáo hóa chúng sinh.

Nguyện biết thế giới: Biết chỗ ở của chúng sinh trong tất cả thế giới tịnh uế khác nhau, gọi là Nguyện biết thế giới.

Nguyện cõi Phật thanh tịnh: Cầu Tịnh độ chư Phật nhiếp thủ chúng sinh, gọi là Nguyện cõi Phật thanh tịnh.

Nguyện đồng tâm đồng hành: Cùng tất cả Bồ-tát đồng tâm đồng hành, gọi là Nguyện đồng tâm đồng hành. Nói đồng tâm là đồng tâm trí tuệ, nói đồng hành là đồng hành công đức.

Nguyện ba nghiệp chẳng luống uổng: Thường ngay nơi thân miệng ý lợi ích chúng sinh không luống, gọi là ba nghiệp chẳng luống.

Nguyện thành Bồ-đề: Thành Vô thượng Bồ-đề, vì đạo Bồ-đề làm

lợi ích chúng sinh, gọi là nguyện thành Bồ-đề.

Danh nghĩa như thế.

2. Phân biệt y cứ sự tu hành:

Mười nguyện tu chẳng đốn thành thì ắt phải nương vào tiệm. Bảy nguyện đầu là tu căn bản, hai nguyện kế là tu thuần thực, một nguyện sau cùng là rốt ráo thành tựu được quả.

3. Nói theo hạnh:

Hạnh nghĩa là con đường tự lợi và lợi tha. Trong mười nguyện thì hai nguyện đầu là hạnh tự lợi. Ban đầu hạnh tự lợi không ngoài công đức trí tuệ. Năm nguyện kế là hạnh nguyện giáo hóa bên ngoài. Đứng về mặt giáo hóa thì một nguyện đầu là chúng sinh cầu pháp, nguyện thứ hai là nương pháp giáo hóa làm cho thiện tâm thêm lớn, nguyện thứ ba là biết chỗ giáo hóa chúng sinh, nguyện thứ tư biết nơi chốn giáo hóa, nguyện thứ năm là tự cầu cõi Phật thanh tịnh để nhiếp lấy chúng sinh. Ba nguyện sau là tự lợi lợi tha không nhất định theo tướng phân biệt. Một nguyện thứ tám là hạnh tự lợi thành tựu. Nguyện thứ chín là hạnh lợi tha thành tựu. Nguyện thứ mười là được tự lợi lợi tha. Quả Bồ-đề tự thể là quả tự lợi, Bồ-đề Tác nghiệp là quả lợi tha. Nói chung thì ba nguyện sau đều là tự lợi, đều là lợi tha.

Địa Luận giải thích: “Ba nguyện sau là chỉ bày tự thân và lợi tha”, lại Địa Luận cũng giải thích: “Ba thứ nguyện sau được giáo hóa như thật”. Nếu nói chung thì mười nguyện đều là tự lợi, mười nguyện đều là lợi tha, cho nên trong Địa luận giải thích đại nguyện có hai thứ cao quý.

Thường siêng năng thật hành vô lượng hạnh, tức là tự lợi.

Cùng tất cả chúng sinh đồng thật hành, nói đồng hành là mười nguyện đều thị hiện tức là lợi tha.

4. Phân biệt theo hạnh vị:

Trong mười nguyện thì bảy nguyện trước là phân biệt theo hạnh. Hạnh như ở trên nói rõ. Ba nguyện sau là phân biệt theo địa vị. Địa vị ở chỗ nào? Như Địa Luận nói: “Nguyện thứ tám được Địa giáo lượng thắng, nguyện thứ chín được Bồ-tát địa tận giáo lượng thắng, nguyện thứ mười được Nhất thiết địa tận giáo lượng thắng”.

Đầu tiên từ Sơ địa đến Cửu địa, hạnh tu dần dần tăng lên gọi là Địa giáo lượng thắng. Học tận cùng của Thập địa gọi là Địa tận giáo

lượng. Phật địa viên mãn tận cùng gọi là Nhất thiết địa tận giáo lượng. Các thứ này đều nói theo nguyện.

5. Phân biệt theo nhân quả

Lời nguyện của chín nguyện trước là cầu nhân, một thứ sau là nguyện quả. Cũng có thể bảy nguyện trước lấy làm một phần, tức là sáu nguyện trước làm nhân, một nguyện sau làm quả. Ba nguyện sau là một phần, tức hai nguyện trước làm nhân, một nguyện sau làm quả. Quả ở trước là y báo, ở sau là chánh quả.

Mười nguyện là như thế.

6. NGHĨA MƯỜI THỨ CÚNG DƯỜNG:

Chia ra là hai môn:

- 1- Nói về cúng dường.
- 2- Nói về tâm cúng dường.

1. Nói về cúng dường:

Mười thứ cúng dường xuất xứ từ Luận Địa Trì, mười thứ cúng dường là:

1. Cúng dường thân
2. Cúng dường chi đề
3. Cúng dường hiện tiền
4. Cúng dường bất hiện tiền
5. Cúng dường tự tác
6. Cúng dường tha tác
7. Cúng dường tài vật
8. Cúng dường cao siêu
9. Cúng dường vô nhiễm
10. Cúng dường chí xứ đạo

Trong mười thứ, hai thứ đầu là chỗ cúng dường khác nhau, đối trước sắc thân của Phật mà lập ra cúng dường, gọi là Cúng dường thân. Cúng dường linh miếu gọi là Cúng dường chi đề. Theo luật Tăng-kỳ cho rằng có Xá-lợi gọi là Tháp-bà, không có xá-lợi gọi là Chi đề. Trong Luận Địa Trì gọi chung là Chi đề.

Hai thứ kế là phân biệt theo thời gian, nơi chốn mà. Môn phân biệt tuy có hai, theo sự thì chia làm ba:

Cúng dường hiện tiền, tức đối diện thân Phật và Chi đề mà lập ra cúng dường.

Cúng dường bất hiện tiền, tức đối với Phật chẳng hiện tiền và Chi đề mà rộng lập ra cúng dường.

Hiện tiền và Bất hiện tiền đều cúng dường, tức cúng dường Phật hiện tiền và Chi đề, đồng thời cúng dường Phật và Chi đề chẳng hiện tiền. Hiện tiền mà cúng dường cũng được đại công đức, chẳng hiện tiền mà cúng dường được đại công đức lớn. Vì cảnh giới rộng lớn nên hiện tiền và chẳng hiện tiền được công đức rất lớn.

Hai thứ kế nữa là về mặt người cúng dường mà phân biệt. Môn phân biệt tuy có hai, theo sự thì chia làm ba:

Cúng dường tự tác, tức tự thân cúng dường Phật và Chi đề.

Cúng dường tha tác, tức có ít tài vật chẳng theo sự biếng nhác mà giáo hóa bố thí.

Tự tha cúng dường, tức kia đây đồng làm (tự tác cúng dường được công đức lớn, giáo hóa cúng dường được công đức lớn. Tự tha cúng dường được công đức rất lớn).

Hai thứ kế là đối với tâm mà phân biệt:

Lấy tài vật của mình mà cúng dường gọi là Cúng dường tài vật. Tài vật có ba thứ:

- Cúng dường tài vật đầy đủ, là y áo, thức ăn v.v...
- Cúng dường cung kính đầy đủ, là hương hoa v.v...
- Cúng dường trang nghiêm đầy đủ, là tất cả của báu trang nghiêm.

Lấy tâm cao quý để cúng dường, gọi là Cúng dường cao siêu. Tâm cao siêu có ba:

Chuyên tinh giải tâm, là khéo biết lập ra các thứ cúng dường.

Thuần tịnh tín tâm, là tin đức trọng lý hòa hợp cúng dường

Hồi hướng tâm, tức trong tâm cầu Phật mà lập ra cúng dường.

Hai thứ sau là đối với hạnh mà phân biệt:

Hạnh cúng dường lìa lỗi gọi là Cúng dường vô nhiễm. Vô nhiễm có hai, như Địa Trì nói: “Tâm vô nhiễm lìa tất cả lỗi, và Tài vật vô nhiễm lìa lỗi phi pháp”.

Hạnh cúng dường thuận quả, gọi là Cúng dường chí xứ đạo. Quả Phật là chỗ đến của kia, hạnh cúng dường đến được chỗ ấy, gọi là chí xứ đạo, Chí xứ đạo cúng dường này trong kinh Duy-ma gọi là Pháp cúng dường, trong Địa Luận gọi là Hạnh cúng dường. Trong đây có ba:

- Cúng dường tài vật là chí xứ đạo
- Tùy hỷ cúng dường là chí xứ đạo
- Tu hành cúng dường là chí xứ đạo.

Đối với Phật cúng dường có mười thứ, đối với Pháp, Tăng cũng

đồng như vậy.

Cúng dường Pháp có mười:

Cúng dường Pháp là cúng dường lý giáo hành pháp Phật đã nói.

Cúng dường kinh điển.

Tám thứ còn lại như tám thứ ở trên nói.

Cúng dường Tăng có mười:

Cúng dường Tăng, là cúng dường tất cả Thánh chúng Ba thừa.

Cúng dường Chi đề, tức cúng dường hình tượng tháp miếu thờ chúng Ba thừa.

Lại cúng dường Thánh tăng và phàm phu tăng cũng được chia làm hai, ngoài ra tám thứ cũng đồng như trước.

2. Nói về tâm cúng dường:

Tâm cúng dường có sáu, như trong Luận Địa Trì nói:

Tâm mộng phước vô thượng, trong đó sinh phước cao quý.

Tâm vô thượng ân đức, tất cả thiện lạc nương Tam bảo mà có ra.

Tâm tối thắng sinh ra tất cả chúng sinh.

Tâm khó gặp như hoa Ưu-đàm-bát.

Riêng một tâm có Tam thiên đại thiên thế giới.

Tâm cúng dường đầy đủ tất cả thế gian và xuất thế gian.

Ở đây nói Như Lai đầy đủ pháp thế gian và xuất thế gian, làm chỗ nương cho chúng sinh gọi là chỗ nương đầy đủ. Dùng sáu tâm này cúng dường ít vật sẽ được công đức vô lượng vô biên, huống chi là cúng dường nhiều vật.

Nghĩa cúng dường nói lược như thế.

7. NGHĨA MƯỜI VÔ TẬN TẠNG

Nghĩa mười tạng xuất xứ từ phẩm Vô Tận Tạng trong kinh Hoa Nghiêm. Đức rộng không cùng tận gọi là Vô tận. Đức Vô tận được bao gồm gọi là Tạng. Tạng phân biệt khác nhau một môn nên nói có mười, mười tạng vô tận là:

1- Tín

2- Giới

3- Trì

4- Quý

5- Học rộng

6- Thí

7- Tuệ

8- Niệm

9- Văn trì

10. Biện.

Tín: Đối với pháp quyết định gọi là Tín, về Tín pháp, Như kinh Duy-ma nói “Tín tất cả pháp không, không có tướng và nghe các thứ pháp môn khác nhau, nghe không thể nghĩ bàn đều hay sinh tín”.

Giới: Ngăn cấm gọi là Giới. Giới có mười thứ:

Giới Nhiêu ích, là làm lợi ích chúng sinh.

Giới Bất thọ, là chẳng thọ tất cả tà pháp ngoại đạo.

Giới Vô trước, tức không mê đắm trước ba cõi.

Giới An trụ, tức an trụ pháp tịnh.

Giới Bất tranh, thường khiến người khác Hoan Hỷ, không tranh cãi với người.

Giới Bất não hại, là chẳng học chú thuật, các thứ cổ thuốc v.v... để não hại chúng sinh.

Giới Bất tạp, là chẳng dị kiến tạp loạn.

Giới Ly tà mạng, tức là Bồ-tát không tạo tác hay gìn giữ tướng tịnh giới, nếu muốn cho người khác biết cũng đều thật là dối hiện đức tướng. Tâm chỉ chuyên vì chánh pháp không mong cầu gì khác.

Giới Ly khinh mạn, là chẳng ngã mạn, tự cao, khinh chê người khác.

Giới Thanh tịnh, nghĩa là xa lìa mười điều ác.

Đây đủ mười giới này gọi là Giới tạng.

Tàm: Có lỗi tự hổ với mình gọi là Tàm.

Quý: Có lỗi tự thẹn với người gọi là Quý. Lỗi có nhiều thứ, đây đủ như kinh nói.

Học rộng: Đối với tất cả pháp nghe biết đầy đủ gọi là Đa văn tạng.

Thí: Chuyên xả bỏ gọi là Thí. Thí có mười thứ:

Pháp thí: Bồ-tát bố thí các vật cất chứa, tất cả vì chúng sinh chẳng vì tự mình.

Pháp khó thí sau này: Bồ-tát có vật tự dùng ưa đem bố thí người khác. Cầu chết, tà tự thân mình chết để bố thí cho chúng sinh, gọi là khó thí tối hậu.

Pháp thí bên trong: Bồ-tát thọ thân cao quý, người khác cầu liền bố thí.

Pháp thí bên ngoài: Có người cầu địa vị vua và tài vật bên ngoài, Bồ-tát liền bố thí.

Pháp thí trong ngoài: Thân và tài vật bên ngoài đều bố thí.

Pháp thí tất cả: Nếu người khác mong cầu nước non, thành quách, vợ con v.v... tất cả bộ phận cơ thể, các vật như đầu mắt v.v..., đều bố thí cho tất cả.

Pháp thí quá khứ: Nghe pháp quá khứ tâm không chấp trước, chỉ là hóa sinh thuận theo nói pháp.

Pháp thí vị lai: Nghe pháp vị lai tâm không mê đắm.

Pháp thí hiện tại: Nghe pháp hiện tại tâm không mê đắm.

Pháp thí rốt ráo: Thấy có chúng sinh đến cầu một phần thân, liền tự quán Sát ngay đây liền tiêu diệt, hoàn toàn không có một niệm tham tiếc mà bố thí cho họ, gọi là thí hoàn toàn.

Đây đủ mười thí này gọi là Thí tạng.

Tuệ: Đối với tất cả pháp, hoàn toàn biết như thật, gọi là Tuệ tạng.

Niệm: Đối với tất cả pháp đời quá khứ trọn đều niệm biết hết gọi là Niệm tạng.

Văn trì: Đối với tất cả giáo pháp Phật nói đều nhớ nghĩ không mất một câu, gọi là Văn trì tạng.

Biện: Được trí sâu rộng nói tất cả pháp tự tại vô ngại không trái với chỗ nói của tất cả chư Phật, gọi là Biện tạng.

Nghĩa mười vô tận lược giải thích như vậy.

8. NGHĨA MƯỜI TÍN HẠNH

Chia ra chín môn:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Nói rõ tướng.
- 3- Đối trị.
- 4- Nhân khởi thứ lớp.
- 5- Phân biệt hạnh tu.
- 6- Phân biệt theo chỗ thành tựu.
- 7- Đối với sáu độ cộng tướng đều thâm nhiếp.
- 8- Là, hợp, phước, lập.
- 9- Phần hạnh cạn sâu.

1. Giải thích tên gọi:

Mười hạnh Tín như Địa Kinh nói, mười tín hạnh là:

1. Tín
2. Bi
3. Từ

4. Xả
 5. Không mệt mỏi
 6. Biết kinh sách (cũng gọi là biết kinh luận)
 7. Biết trí thế gian
 8. Hổ thẹn
 9. Năng lực vững vàng (cũng gọi là Năng lực bất động, cũng gọi là Năng lực mãnh mẽ, cũng gọi là Năng lực đồng kiên)
 10. Cúng dường chư Phật.
- Tín: Như thuyết tu hành quyết định gọi là tín.
 Bi: Thương xót là bi.
 Từ: Thương yêu gọi là từ.
 Xả: Bố thí gọi là xả.
 Chẳng mệt mỏi: Sách tấn tu hành không biếng nhác là chẳng mệt mỏi.
- Biết kinh sách: Khéo thông đạt năm minh gọi là biết kinh sách, cũng gọi là biết kinh luận.
 Biết trí thế gian: Khéo hiểu thời cơ là biết trí thế gian.
 Hổ thẹn: Đối với lỗi lầm biết hổ thẹn gọi là tâm quý.
 Năng lực vững vàng: Những thiện căn mà mình đã tu không bị duyên làm hoại gọi là Năng lực vững vàng. Chẳng biến hoại theo duyên gọi là Bất động. Đối với duyên không thối thất gọi là Năng lực mãnh mẽ. Tâm không yếu hèn gọi là Năng lực đồng kiên.
 Cúng dường chư Phật: Tu hành thuận trên là Cúng dường chư Phật, thuận giáo vâng theo để tu gọi là Như thuyết tu hành.
 Mười thứ tạo duyên này tập khởi gọi chung là Hạnh.

2. Nói về tướng:

- Tín: Nương Địa Kinh nói Tín có hai thứ: Tin nhân và tin quả.
 Trong Luận Địa Trì thì nói tín có tám:
- Tin Phật
 - Tin pháp
 - Tin tăng
 - Tin Năng lực thần thông của Phật và Bồ-tát
 - Tin nghĩa chân thật
 - Tin các thứ nhân quả
 - Tin được nghĩa (Nghĩa: Tức là Bồ-đề)
 - Tin được phương tiện (nghĩa là tin con đường tu học của Bồ-tát).
 - Từ: Có ba thứ:

Chúng sinh duyên từ: Duyên các chúng sinh muốn cho họ cứu giúp, theo kinh Địa nói: “Quán các chúng sinh do mười hai nhân duyên sinh tử trôi lăn mà khởi tâm Bi”. Theo Luận Địa Trì nói: “Duyên các chúng sinh có một trăm mồi thứ khổ mà tu tâm Bi”.

Pháp duyên bi: Quán các chúng sinh đều là ngũ ấm pháp số nhân duyên, vô ngã vô nhân mà khởi tâm Bi.

Hỏi: Quán không có ngã nhân thì làm sao khởi Bi ?

Giải thích có hai nghĩa:

- Nghĩ nhớ chúng sinh vọng lấy sự trói buộc làm ngã nhân, phải chịu khổ sinh tử rất đáng thương xót, nên khởi tâm Bi.

- Vì các chúng sinh nói pháp như kia, tức là chân thật cứu khổ chúng sinh, nên gọi là Bi.

Vô duyên bi: Quán các chúng sinh năm ấm pháp số hoàn toàn vắng lặng mà khởi tâm bi.

Hỏi: Quán pháp vắng lặng làm sao khởi bi?

Giải thích có hai nghĩa:

- Nhớ nghĩ các chúng sinh vọng bị pháp hữu trói buộc, chịu khổ sinh tử, nên khởi tâm bi.

- Vì các chúng sinh mà nói pháp kia, tức là chân thật cứu khổ chúng sinh, nên gọi là bi.

Từ: Có ba thứ:

Chúng sinh duyên từ: Duyên các chúng sinh muốn cho họ được vui.

Pháp duyên từ: Duyên các chúng sinh chỉ là pháp nhân duyên, năm ấm vô ngã vô nhân mà khởi tâm từ.

Vô duyên từ: Quán tất cả pháp hoàn toàn vắng lặng mà khởi tâm từ. Pháp duyên vô duyên làm sao khởi tâm từ?

Giải thích giống như phần nói về bi.

Xả: Có hai thứ:

Nội thí: Nghĩa là xả bỏ tất cả các chi đầu, mắt, tay, chân, tay, mũi v.v...

Ngoại thí: Bố thí của cải tài vật.

Không mệt mỏi: Có hai:

Siêng đi trong thế gian không hề mệt mỏi.

Siêng đi trong xuất thế gian không hề mệt mỏi rộng thì vô lượng.

Biết kinh luận: Có bốn, như trong Địa Trì nói là:

Đối với năm minh thành tựu được Văn tuệ.

Thành tựu tư tuệ

Thành tựu tu tuệ

Thành tựu chứng hạnh.

Biết trí thế gian: Có hai thứ, như Địa Trì nói:

Như thế gian mà biết

Như thế gian mà chuyển

Như thế gian biết là giải, Như thế gian chuyển là hành.

Như thế gian biết có hai thứ:

Biết sự thế gian:

Nghĩa là biết chúng sinh và khí thế gian.

Biết nghĩa thế gian và nghĩa đệ nhất:

Nghĩa là đối với thế gian quan Sát tám hạnh. Tám hạnh rộng như trên nói. Nghĩa là quán Thế gian khổ, Thế gian tập, Thế gian diệt, Thế gian quá, Thế gian xuất, nghĩa đệ nhất Thế gian. Trong tám hạnh này, bảy hạnh trước là quán Sát nghĩa thế gian, một hạnh sau là quán Sát đệ nhất nghĩa thế gian.

Như trong thế gian chuyển, cũng có hai thứ:

- Theo chỗ thích nghi của mình.

- Theo chỗ thích nghi của người mà nhiếp hóa.

Hổ thẹn: Có bốn, như kinh Luận Địa Trì nói:

- Việc không nên làm, mà cố làm, rồi sinh tâm hổ thẹn.

- Việc đáng làm, mà không làm, rồi sinh tâm hổ thẹn.

- Việc không nên làm, làm rồi che giấu, mà sinh tâm hổ thẹn.

- Việc đáng làm, làm rồi lại hối hận, mà sinh tâm hổ thẹn.

Năng lực vững vàng: Có hai thứ:

Năng lực bất thối tự phần không mất.

Năng lực bất chuyển hay thâm nhập tiến lên cao siêu.

Cúng dường: Có hai thứ, như trong Địa Luận nói:

Cúng dường lợi dưỡng là bố thí tài vật.

Cúng dường sự tu hành.

Hạnh tu thuận trên cũng được chia làm ba, như Địa kinh nói:

Cúng dường lợi dưỡng, như y phục, thức ăn v.v...

Cung kính cúng dường, như hương, hoa v.v...

Hành cúng dường, nghĩa là tu hành tín, giới, thí v.v... hoặc nói có mười thứ như trong Luận Địa Trì nói.

3. Nói về đối trị:

Như trong Địa Trì nói: “Buông lung, biếng nhác, chẳng thọ giới Bồ-tát, chẳng tin bồ-đề, nên lấy tín để đối trị”.

Hỏi: Tin tâm để đối trị chẳng tin, vậy duyên đâu đối trị buông lung, biếng nhác, chẳng thọ giới v.v... ư?

Giải thích: Vì nội tâm chẳng tin nên buông lung, chẳng thọ giới cấm. Đây nêu lên phần nội tâm chẳng tin. Đối với các chúng sinh có ý tưởng giết hại, trái với tâm đại bi, nên dùng đại bi để đối trị. Đối với các chúng sinh có tâm sân hận, trái với đại từ, nên dùng đại từ để đối trị. Cố giữ thân mạng tài vật, trái với bố thí, nên lấy tâm xả bỏ để đối trị. Đối với các chúng sinh cầu nhiều các dụng cụ, trái với chỗ chẳng mệt mỏi, nên dùng chẳng mệt mỏi để đối trị.

Hỏi: Chẳng mệt mỏi để đối trị biếng nhác, vậy lấy gì để đối trị cầu nhiều các dụng cụ.

Giải thích: Do cầu việc thế gian nên chướng ngại việc tu đạo xuất thế, nên dùng chẳng mệt mỏi để đối trị tâm cầu các dụng cụ. Không có trí phương tiện trái với chỗ biết kinh luận, nên dùng biết kinh luận để đối trị. Không khéo thuận theo, trái với thuận theo người khác, nên dùng thuận theo (biết trí thế gian) để đối trị. Tu pháp lành mà buông lung, biếng nhác, trái với hổ thẹn, nên dùng hổ thẹn để đối trị. Đối với khổ sinh tử mà tâm yếu hèn, trái với sự mãnh mẽ, nên dùng năng lực mãnh mẽ để đối trị. Đối với Phật mà nghi ngờ trái với sự cúng dường, nên lấy cúng dường chư Phật để đối trị.

Đối trị như thế.

4. Nói về nghĩa nhân khởi thứ lớp:

Như Địa Trì nói: “Nghe Bồ-tát tạng tin có bồ-đề”, do đó trước là nói về tín. Tin bồ-đề là nhớ nghĩ các chúng sinh ở trong khổ sinh tử không được pháp kia, nên khởi lòng bi. Do từ bi nên tu hành tuệ thí, vì vậy kế là nói về xả. Vì pháp thí nên tu hành chánh nghĩa tâm không nhằm chán lười mỏi, nên phần kế là nói chẳng mệt mỏi. Do chẳng mệt mỏi nên hay biết chánh giáo, do đó kế là nói biết kinh luận. Biết kinh luận nên khéo hiểu đúng thời biết trí thế gian. Biết thế gian nên trụ lâu trong thế gian, ưa thích sinh lỗi nhiễm nên sinh hổ thẹn. Do hổ thẹn nên không rơi vào phiền não được Năng lực mãnh mẽ. Có Năng lực mãnh mẽ nên tu pháp lành nhiều tài lợi cúng dường chư Phật. Thứ lớp như thế.

5. Phân biệt mười hạnh y cứ hạnh tu:

Hạnh là con đường tự lợi lợi tha, như Địa Luận nói: “Ban đầu tin tâm là hạnh tự lợi, tin pháp của chư Phật cầu sẽ được nên từ bi làm lợi

tha, do có khả năng an ủi ban cho thật an vui. Xả là dùng tài vật nhiếp hóa hạnh lợi tha. Chẳng mệt mỏi là hạnh tự nhiếp pháp. Biết kinh luận, biết trí thế gian là hạnh dùng pháp nhiếp lợi tha. Ba thứ sau nhiếp hộ bảy thứ trước, gồm cả tự lợi và lợi tha. Hổ thẹn, mãnh mẽ là nhiếp hộ bảy thứ trước.

Hỏi: Vì sao hổ thẹn nhiếp hộ bảy thứ trước?

Giải thích: Do hổ thẹn khiến bảy thứ trước lia chướng được thanh tịnh nên gọi là nhiếp hộ.

Hỏi: Tin tâm đối trị được chẳng tin, cho đến biết thế gian đối trị được chẳng biết, vậy đâu cần hổ thẹn mà nói hổ thẹn nhiếp hộ bảy thứ trước khiến kia được lia chướng?

Giải thích: Đối trị gần có xa. Tin đối trị chẳng tin, cho đến biết thế gian đối trị chẳng biết cũng là đối trị gần. Do hổ thẹn nên khiến lia các chướng trước là đối trị xa. Thế nào là tướng đối trị? Nghĩa là do hổ thẹn nên khởi tín tâm xa lia chẳng tin. Do hổ thẹn nên khởi tâm từ bi xa lia sân hận, cho đến do có tâm hổ thẹn nên học biết thế gian để xa lia chẳng biết. Như trong sáu độ do tinh tấn nên tu bố thí đối trị san tham. Cho đến do có tâm tinh tấn nên tu trí tuệ lia ngu si, đây cũng như thế.

Hỏi: Vì sao mãnh mẽ có công năng nhiếp hộ các thứ trước?

Giải thích: Vì mãnh mẽ khiến pháp lành của bảy thứ trước chẳng hoại nên gọi là nhiếp hộ. Phần thứ mười nói về cúng dường, như thuyết tu hành nhiếp hộ bảy thứ trước.

Hỏi: Vì sao cúng dường lại hay nhiếp hộ được các thứ trước?

Giải thích: Ở đây có hai nghĩa:

Vì nhiếp khiến phát sinh Bồ-tát mà tu hành cúng dường, phát khởi bảy thứ trước.

Vì nhiếp khiến được quả.

Hai thứ cúng dường được hai thứ thân, khiến bảy thứ trước đồng được hai thân, hai thân như Địa Luận nói:

Lợi dưỡng được thân mẫu nhiệm, đây cũng gọi là sắc thân công đức.

Hạnh cúng dường được tâm nhu hòa, đây cũng gọi là Pháp thân trí tuệ.

Hỏi: Tu hành thế nào nhiếp được các thứ trước?

Giải thích: Bồ-tát như thuyết tu hành nên phát khởi bảy thứ trước. Nếu lại thông luận thì, mười thứ đều tự lợi nếu tu như thế mà tự cầu quả bồ-đề; mười thứ đều lợi tha, tu như thế là cầu quả Phật làm lợi ích chúng sinh.

6. Phân biệt mười hạnh theo sự thành tựu :

Như Địa Luận nói: “Ba thứ đầu là thành tựu tâm sâu xa, bảy thứ sau là thành tựu tu hành”. Theo Luận Địa Trì là hai thứ thanh tịnh: “Ba thứ trước là tâm thanh tịnh, bảy thứ sau gọi là hạnh phương tiện thanh tịnh”. Pháp lành được kiến lập gọi là thành tựu, là khởi chương không có pháp nhiệm nên gọi là thanh tịnh. Chung là mười thứ đều là tâm, đều là hạnh. Nay chia tướng thì ba thứ trước đều là hành tâm phương tiện, nên nói là tâm thành tựu, tâm phương tiện thanh tịnh. Bảy thứ sau là tạo duyên chánh hạnh nên gọi là hạnh thành tựu, hạnh phương tiện thanh tịnh.

Chỗ thành tựu như thế.

7. Sáu độ cộng tướng đều thu nhiếp:

Một môn đầu là tín tâm khởi hạnh phương tiện chẳng thuộc sáu độ, chín thứ kia là thuộc về sáu độ thu nhiếp. Hai môn từ và bi là thuộc về Thiên độ thâm nhiếp, trong mười hai môn thiên kia thì tám thiên và bốn tâm vô lượng gọi chung là Thiên. Xả là Đàn độ. Chẳng mệt mỗi là Tinh tấn độ. Biết kinh luận, biết trí thế gian là Tuệ độ. Hổ thẹn là Giới độ. Trong phần Năng lực vững vàng gồm có hai nghĩa. Đối với khổ chẳng động là Nhẫn độ. Đối các pháp lành dũng mãnh mẽ chẳng lui sụt là Tinh tấn độ. Trong môn thứ mười đúng như thuyết tu hành nhiếp chung sáu độ. Phần cúng dường chư Phật gồm có hai nghĩa: Cúng dường tài vật là Đàn độ, cúng dường tu hành là nhiếp chung sáu độ.

8. Nói về nghĩa là, hợp, phế lập:

Trước giải thích Là và Hợp.

Hỏi: Từ bi trong pháp tâm sở có một tánh vô sân, vì sao chia làm hai thứ? Hổ và thẹn trong pháp tâm sở là biệt tâm sở làm sao hợp?

Giải thích: Từ bi tâm pháp tuy một mà bốn nghĩa khác nhau nên chia có hai thứ. Bốn nghĩa khác nhau là:

- Công năng khác nhau Bi hay cứu khổ, Từ hay ban vui.
- Đối trị hoạn khác nhau Bi dừng Sát hại, Từ dứt tham dục. Lại vì Bi hay trừ sân vi tế, Từ hay bỏ thô trọng.
- Cảnh giới khác nhau Tâm Bi thường duyên theo khổ của chúng sinh mà phát khởi. Từ duyên vào chỗ không an vui của chúng sinh mà phát khởi.
- Được quả báo khác nhau Bi được Không xứ, Từ sinh cõi Biến tịnh.

Hổ và thẹn tâm pháp tuy riêng mà bốn nghĩa đồng, nên hợp làm một. Bốn nghĩa đồng là:

Công năng đồng: Đồng khiến các hạnh ra khỏi chướng được thanh tịnh.

Đối trị lỗi đồng: Đồng lia lỗi Sát, đạo, tà dâm v.v...

Cảnh giới đồng: Đồng nơi lia lỗi nhóm hợp các hạnh lành, sinh tâm hổ thẹn.

Quả báo đồng: Chỗ được quả báo không có nơi chốn khác nhau.

Lìa và hợp như thế.

Kế đến là nói về Phế và Lập.

Hỏi: Kinh nói bốn tâm vô lượng là hạnh lợi tha, nay ở đây vì sao chỉ nói Từ Bi mà chẳng nói về Hỷ xả?

Giải thích: Pháp môn này có hai môn:

Môn CỤ nghĩa: Tức là có hạnh có nói.

Môn ẨN hiển: Tức có lập có phế.

Nay y cứ ẩn hiển chỉ lập từ bi mà phế bỏ hỷ xả, do từ bi chính là hạnh cứu khổ ban vui, do đó nên chỉ lập Từ, Bi. Hạnh hỷ xả trợ giúp thêm, không thể làm lợi ích thì nên phế bỏ chẳng lập.

9. Chia ra mười hạnh cạn sâu:

Có ba phần:

Duyên tu mười hạnh: Nghĩa là đối với trong tâm thức thứ sáu, thức thứ bảy tu hạnh tín v.v...

Chân thật có tạo tác mười hạnh: Nghĩa là đối với trong tâm thức thứ sáu và thức thứ bảy tu tập các hạnh, phát phát chân tâm, khiến trong chân tâm các đức nhóm khởi.

Chân thật không tạo tác mười hạnh: Tâm thể chân thức là tất cả tánh công đức, do bị phiền não che nên đối với mình không có dụng. Sau khi tu đối trị dứt phiền não. Xưa chân tâm ẩn nay hiển bày Thánh đức nên nói là Tín v.v... Đức từ duyên hiển, chẳng phải từ duyên sinh nên nói không tạo tác.

Trong ba thứ, một thứ đầu có nghĩa như lửa, kế đến có nghĩa như vàng trang nghiêm đầy đủ, một thứ sau như vàng, nên Địa Luận nói: “Các thiện pháp như Tín v.v..., giống như vàng ròng”. Nhiếp đức từ thể, hai thứ sau nói chung như vàng, giống như vàng ròng nên nói là Địa thể (thể đất).

Mười hạnh như thế.

9. NGHĨA MƯỜI MINH:

Nghĩa Mười Minh xuất xứ từ kinh Hoa Nghiêm. Do biết pháp hiển bày rõ ràng nên gọi là Minh. Nghĩa minh khác nhau một môn, nên nói có mười, mười Minh là:

Trí sáng biết được tâm người: Tất cả chúng sinh pháp tâm, tâm sở tất cả đều biết như thật.

Trí sáng Thiên nhãn: Tất cả sắc tượng thấy rõ ràng không ngại.

Trí sáng biết được mạng đời trước: Đối với đời quá khứ của người và của mình có tám việc và sáu thứ đồng hành đều biết như thật.

Trí sáng biết suốt đời vị lai: Tất cả chúng sinh sinh tử trôi lăn ở đời vị lai hoặc ra khỏi, hoặc chìm đắm đều biết như thật.

Trí sáng Thiên nhĩ : Đối với tất cả âm thanh ở các nước cõi mười phương hoặc nghe, hoặc chẳng nghe đều tùy ý tự tại.

Trí sáng An trụ thân lực vô úy : Đầy đủ vô lượng Năng lực đại thần thông không thể nghĩ bàn ở các cõi mười phương hoặc đến, hoặc đi tự tại vô ngại.

Trí sáng phân biệt tất cả âm thanh: Tất cả ngôn ngữ khác nhau của chúng sinh đều biết như thật.

Trí sáng sinh ra vô lượng sắc thân: Các thứ sắc tượng tất cả đều hóa hiện.

Trí sáng biết được tất cả pháp chân thật:

Đối tất cả pháp thấy đều biết chân thật.

Trí sáng thâm nhập tất cả pháp diệt định: Vào tất cả pháp vắng lặng chánh thọ mà không xả tất cả các hạnh.

Mười thứ này cũng thuộc về sáu thông. Trong mười thứ, thì thứ nhất là Trí Tha tâm thông kia, thứ hai và thứ tư là Thiên nhãn thông, thứ ba là Túc mạng trí thông, thứ năm và thứ bảy là Thiên nhĩ thông, thứ sáu và tám là Thân thông, hai thứ sau là Lộ tận trí thông. Có chỗ xếp thứ chín vào Pháp trí thông.

Nghĩa Mười trí sáng là như thế.

10. NGHĨA MƯỜI NHẪN

Nghĩa Mười Nhẫn xuất xứ từ kinh Hoa Nghiêm. Tâm tuệ an trụ ở pháp gọi là Nhẫn. Hạnh nhẫn khác nhau một môn nên nói có mười, mười nhẫn là:

1. Nhẫn thuận theo âm thanh
2. Nhẫn Thuận
3. Nhẫn Vô sinh.

4. Nhẫn như ảo thuật
5. Nhẫn như ngọn lửa
6. Nhẫn như chiêm bao
7. Nhẫn như tiếng vang
8. Nhẫn như ánh chớp
9. Nhẫn như huyễn hóa
10. Nhẫn như hư không

Nhẫn thuận theo âm thanh: Nghe nói tất cả pháp chân thật mà chẳng sợ hãi, tin hiểu thọ trì, ưa thích thâm nhập, tu tập an nhẫn gọi là Nhẫn thuận theo âm thanh.

Nhẫn Thuận: Thuận theo tất cả pháp hoặc sâu hoặc cạn, hoặc lý hoặc sự, hoặc chân hoặc vọng, quán Sát như thật chẳng trái các pháp nên gọi là Nhẫn Thuận.

Nhẫn Vô sinh: Quán Sát tất cả pháp không sinh không diệt, bình đẳng vắng lặng gọi là Nhẫn Vô sinh.

Nhẫn như ảo thuật: Quán Sát tất cả pháp đều như ảo thuật, một đủ tất cả, tất cả thành một, nhân duyên luống lối không có tánh nhất định gọi là Nhẫn như ảo thuật.

Nhẫn như ngọn lửa: Bồ-tát giác ngộ biết tất cả thế gian như ngọn lửa cháy, tướng cuồng nhiệt hư tập không chân thật, không có nơi chốn nhất định, gọi là Nhẫn như ngọn lửa.

Nhẫn như chiêm bao: Bồ-tát hiểu biết tất cả chỗ thấy thế gian như chiêm bao, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng hoại chẳng đấm gọi là Nhẫn như chiêm bao.

Nhẫn như tiếng vang: Bồ-tát khéo giác biết bờ giác rốt ráo, biết tất cả pháp đều như tiếng vang, phân biệt các thứ tiếng như tiếng vang của âm thanh, chẳng phải từ bên trong ra, chẳng phải từ bên ngoài ra, chẳng từ trong ngoài vào, mà chỉ là từ duyên khởi nên, dùng các thứ phương tiện khéo léo nói pháp, gọi là Nhẫn như tiếng vang.

Nhẫn như ánh điện chớp: Như ánh chớp ở thế gian soi chiếu các sắc tượng mà không phân biệt, Bồ-tát cũng giống như thế, chiếu soi tất cả pháp mà không phân biệt, gọi là Nhẫn như ánh điện chớp.

Nhẫn như huyễn hóa: Như pháp huyễn hóa ở thế gian chẳng phải có chẳng phải không, Bồ-tát cũng như thế, biết tất cả pháp chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải lấy chẳng phải bỏ, gọi là Nhẫn như huyễn hóa:

Nhẫn như hư không: Như hư không ở thế gian vắng lặng không chỗ nơi, Bồ-tát cũng giống như thế, biết tất cả pháp rỗng không, phải

có chỗ nơi. Như hư không thể tánh vốn thanh tịnh, Bồ-tát cũng như thế, biết tất cả pháp thể tánh thanh tịnh. Như hư không chẳng có chỗ khác nhau, Bồ-tát cũng giống như thế, biết tất cả pháp bình đẳng không khác nhau. Như hư không chẳng sinh chẳng diệt, Bồ-tát cũng giống như thế, biết tất cả pháp chẳng sinh chẳng diệt. Như hư không chẳng có sự phân biệt, Bồ-tát cũng giống như thế, tâm không phân biệt. Như hư không chẳng có chỗ nào không dung chứa, Bồ-tát cũng giống như thế, đối tất cả pháp đều nhiếp thọ. Như hư không rộng lớn vô biên, Bồ-tát cũng giống như thế, thân miệng và ý rộng lớn vô biên. Như hư không chẳng sinh chẳng chết, Bồ-tát cũng giống như thế, chẳng sinh chẳng chết. Vì có vô lượng nghĩa như thế, cũng như hư không ở thế gian, nên gọi là Nhẫn như hư không:

Mười Năng lực nhẫn này, thứ đầu là nói về giải ngộ, chín thứ sau là nương nơi nghĩa để thành tựu. Nghĩa Thập nhẫn giải thích rộng như trong kinh, ở đây chỉ như danh tự mà lược nêu tông chỉ?

11. NGHĨA MƯỜI NHẪN VÔ SINH

Chia làm ba môn:

- 1- Giải thích tên.
- 2- Nói về tướng.
- 3- Phân biệt theo địa vị.

1. Giải thích tên:

Mười Nhẫn Vô sinh như Địa Kinh nói: Nhẫn Vô sinh, thông thường giải thích có ba:

- Phân biệt theo pháp
- Phân biệt theo nhân
- Phân biệt theo quả

1. Phân biệt theo pháp, có hai:

- Pháp vọng tưởng tập khởi lẫn nhau gọi là sinh. Thể sinh rỗng không gọi là Vô sinh. Đây là Không Như Lai Tạng như trong kinh nói.
- Pháp chân thật khởi dụng gọi là sinh. Thể vắng lặng vô sinh, đây là biết không Như Lai Tạng.

2. Phân biệt theo nhân, có bốn:

- Phân biệt y cứ sự theo tu hành:

Từ Lục địa trở xuống thứ lớp tu đạo, trong mỗi địa các hạnh mới khởi gọi là sinh. Từ Thất địa trở lên các hạnh chóng tu chẳng phải mới khởi, gọi là Vô sinh.

- Phân biệt theo Không: có hai hạnh:

Từ Lục địa trở xuống, Không có khoảng khởi gọi là sinh.

Từ Thất địa trở lên dụng vắng lặng, hai hạnh không có khoảng khởi, gọi là Vô sinh.

- Phân biệt hạnh tu trước sau:

Từ Thất địa trở xuống hạnh tu chưa thuần thực, gọi là Sinh. Như trái chưa chín gọi là trái sống. Từ Bát địa trở lên hạnh báo thuần thực, nên gọi là Vô sinh.

- Phân biệt theo nghĩa:

Giáo hạnh tập khởi gọi là Sinh, chứng hạnh vắng lặng, gọi là Vô sinh.

3. Phân biệt theo quả, có ba:

- Phân biệt thể dụng:

Dụng hóa tập khởi gọi là sinh. Thể đức thường vắng lặng nên gọi là Vô sinh.

- Phân biệt thể đức:

Có tạo đức hạnh, xưa không nay có, phương tiện tu khởi gọi là sinh. Thể tánh thanh tịnh xưa ẩn nay hiển, chẳng từ duyên tạo, nên gọi là Vô sinh.

- Phân biệt trí đoạn:

Trí đức tập khởi gọi là Sinh. Đoạn đức vắng lặng gọi là Vô sinh.

Nay ở đây chỗ luận bàn là nói theo pháp, trong phần pháp cũng có không thành không xuất và không diệt, nay y cứ một môn nên nói Vô sinh.

Lại trong mười thứ này, Vô sinh ở phần đầu, ban đầu đặt tên nên gọi là Vô sinh, tâm an định ở lý này nên gọi Vô sinh hẳn.

2. Nói về tướng:

Một vị Vô sinh, theo đây chia ra mười môn, mười môn là:

Vô sinh

Vô thành (trong đại bản nói là Vô khởi)

Vô tướng

Vô xuất (trong đại bản nói là Vô thành)

Không lỗi

Không tận

Không hành

Tánh chẳng phải có, có

Đầu, giữa, sau bình đẳng

Chân như không phân biệt nhập trí nhất thiết.

Như Địa Luận nói: Trong mười thứ thì bảy thứ trước gọi là Sự vô sinh, thứ tám gọi là Tự tánh vô sinh, thứ chín gọi là Số sai biệt vô sinh, thứ mười là Tác nghiệp vô sinh.

Trong bốn thứ thì hai thứ đầu là Phá tướng nhập như, tức phá trừ sự tướng nhiễm tịnh khác nhau để nhập Vô sinh, gọi là Sự vô sinh. Phá dẹp tất cả thể tánh các pháp để nhập vô sinh, gọi là Tánh vô sinh. Hai câu sau kế hợp chân thật, là Tam Thế phân vị trong nhân kia, gọi là Số sai biệt vô sinh, xả bỏ Phật trí tác nghiệp trong quả gọi là Tác nghiệp vô sinh.

Trong Sự vô sinh: Ban đầu vô sinh là bỏ tướng Sơ địa, nơi sự phần hạn Sơ địa tịnh khởi gọi là Sinh, về mặt lý thì thường như nên gọi là Vô sinh.

Nói Vô thành: Là trừ bỏ những tướng Từ Nhị địa đến Thất địa, nếu có bậc Sơ địa pháp tịnh ban đầu sinh, thì có Nhị địa cho đến Thất địa do tiệm tu thành. Kia sinh đã không đâu có cái thành này, nên gọi là vô thành. Do không có thứ lớp tu hành khởi tướng nên trong Đại bản gọi là Vô khởi.

Nói Vô tướng: Là khiến trừ những tướng vô công dụng Bát địa trở lên nếu có sinh thành thì sẽ từ kia được, Bát địa trở lên được tướng vô công dụng, sinh thành đã không thì đâu có tướng này nên nói là Vô tướng.

Nói Vô xuất: Là khiến trừ Tướng Phật địa, nếu có tướng trước thì sẽ từ kia được quả mé sau, gọi là xuất. Tướng kia đã không thì đâu có xuất sau, nên nói là Vô xuất. Vì chỗ thành tựu của quả không rốt ráo nên trong Đại bản cũng gọi là Vô thành.

Nói Không lỗi: Là bỏ tướng ngoại phạm. Y cứ sự của Ngoại phạm có lỗi nhiễm kia nên gọi là Thất, mà về lý thật vốn không, nên gọi là Không lỗi.

Nói Không tận: Bỏ tướng Nội phạm, dứt phiền não. Nếu có lỗi nhiễm thì sẽ dứt hết. Lỗi nhiễm vốn không thì đâu có chỗ tận nên nói là Không tận.

Nói Không hành: Bỏ địa vị Nội Ngoại phạm để đối trị hành tướng. Nếu có sở tận thì có năng tận để đối trị hành. Sở Tận đã không thì đâu có chỗ đối trị hành, nên gọi là Không hành.

Chẳng có, Tánh có: (phi hữu phi Tánh)

Hỏi: Đối với sự đã có Sinh, Thành cho đến Tận, Hành. Vì sao đối với lý lại nói tánh chẳng có, có?

Giải thích: Như người trong mộng tạo tác, ngay lúc thức dậy thì thấy vốn không, ở đây cũng như thế, theo lý nên nói là không, trong tánh vô sinh chẳng có tánh có, trừ tánh pháp thể. Đối với thể đế thì đối với tất cả các pháp mỗi pháp có thể tánh, như sắc có tánh ngại, tâm có tánh biết v.v.. Y cứ lý này tánh vốn không có sở hữu. Cho nên gọi là “chẳng có tánh có”. Ở đây nói “chẳng có tánh” tức trong luận nói là Pháp vô ngã, Ngã giống như tánh.

Đầu, giữa, sau bình đẳng: Số khác nhau ban đầu, giữa và sau không có nhân kia mà tướng có khác nhau. Do thật từ trong nhân duyên đã có ba đời, phân biệt có khác nhau gọi là Số sai biệt. Từ Thất địa trở xuống gọi là quá khứ, đối với chỗ khởi quán của bậc Bát địa nên nói là hiện tại, Cửu địa, Thập địa gọi là Vị lai. Bồ duyên nói thật về ba đời không trái nhau gọi là ban đầu, giữa và sau tất cả thời.

Chân như không phân biệt, nhập trí nhất thiết: Trong nghiệp vô sinh, từ duyên khởi thành tựu quả đức của Phật, gọi là trí Nhất thiết. Trí này hiểu tất cả các pháp nên nói là Nhập. Bồ duyên nói về thật, như tánh bình đẳng không có phân biệt trí Phật để được, gọi là Chân như không phân biệt nhập trí nhất thiết, nghĩa là trong chân như không có thật tất cả trí phân biệt, thể tướng như thế.

3. Nói theo địa vị

Vô sinh Nhãn này địa vị Ở chỗ nào? Giải thích có ba nghĩa:

1. Phân biệt trên năm thứ nhãn: Năm thứ nhãn như trên, Vô sinh nhãn này ở bậc Thất địa, Bát địa và Cửu địa. Thất địa mới đắc, Bát địa thanh tịnh, Cửu địa viên mãn.

2. Phân biệt hơn kém khác nhau: Lục địa trở xuống tất cả đều chưa đắc, từ Thất địa trở lên đều đắc.

Hỏi: Vô sinh đồng với Không, Vô ngã, đạo lý Không và Vô ngã ấy địa trước đã được, vì sao Vô sinh cần phải Thất địa trở lên mới có thể được?

Giải thích: Nói chung thì thể một mà tên khác, đắc không có trước sau, do theo nghĩa mà phân biệt. Quán tướng nhân duyên phá bỏ định tánh gọi là Vô ngã. Bậc Sơ địa bỏ tướng nhân duyên nhập pháp bình đẳng gọi là Không, nghĩa là từ Tứ địa, Ngũ địa, Lục địa trở xuống được chứng pháp bốn như, không có tướng để khởi mới gọi là Vô sinh. Bậc Thất địa trở lên mới được chứng hiểu.

3. Nói chung theo thật: Bậc Sơ địa trở lên đều được Vô sinh, cho nên trong luận giải thích nói: Sơ địa trở lên được Vô sinh nhãn. Bồ-tát

Sơ địa cũng có thể thấy pháp chẳng sinh diệt. Nếu nói chung thì hàng
 Chung tánh trở lên cũng có phần đặc.

Lược nói mười Vô sinh nhẫn như thế.

12. NGHĨA MƯỜI TRỤ

Chia ra bốn môn:

- 1- Giải thích tên.
- 2- Nói về tướng.
- 3- Nói về giai vị.
- 4- Nhân duyên khởi nói.

1. Giải thích tên:

Nghĩa mười trụ xuất xứ từ kinh Hoa Nghiêm, hạnh thành tựu không
 lui sụt gọi là Trụ. TỰ được chỗ tương ứng cũng gọi là Trụ. Chung các địa
 vị đều gọi là Trụ. Cho nên trong Địa Trì nói có mười ba Trụ, riêng tức
 phần tập chủng mới nhập trụ ban đầu là lui sụt gọi là Trụ. Địa Trì nói:
 “Người khéo thú hưởng một số lui sụt, một số tiến lên. Chủng tánh của
 Bồ-tát vững chắc không có lui sụt”. Nghĩa trụ khác nhau, một môn mà
 nói có mười, mười Trụ là:

- Trụ Sơ phát tâm
- Trụ Trì địa
- Trụ Tu hành
- Trụ Sinh quý
- Trụ Phương tiện cụ túc
- Trụ Chánh tâm
- Trụ Bất thối
- Trụ Đồng chân
- Trụ Pháp vương tử
- Trụ Quán đảnh

- Trụ sơ phát tâm: Đối với đại Bồ-đề khởi tâm thú hưởng mong
 cầu, gọi là trụ Sơ phát tâm.

- Trụ Trì địa: Khéo tu tự lợi, lợi tha, trụ trong đạo thanh tịnh trụ để
 đối trị, gọi là trụ Trì Địa.

- Trụ Tu hành: Tu hành ngăn ngừa phiền não, lìa hạnh Tiểu thừa,
 gọi là trụ Tu hành.

- Trụ Sinh quý: Sinh ra trong Chánh Pháp, chủng tộc tôn quý gọi
 là trụ Sinh quý.

- Trụ Phương tiện cụ túc: Đầy đủ các phương tiện thiện xảo để độ

chúng sinh, gọi là trụ Phương tiện cụ túc.

- Trụ Chánh tâm: Được trí quyết định, ở trong Phật pháp, tuy nghe tà thuyết, vẫn chánh kiến bất động, gọi là trụ Chánh tâm.

- Trụ Bất thối: Tuy nghe các thuyết khác mà chánh nguyện bất động, gọi là trụ Bất thối.

- Trụ Đồng chân: Việc làm chân thật lia lổi được thanh tịnh, như đứa bé ở thế gian tâm không nhiễm dục, gọi là trụ Đồng chân. Lại cũng có thể là Bồ-tát hạnh nghiệp thanh tịnh, như đứa bé ở thế gian chân tịnh không ô nhiễm, gọi là trụ Đồng chân.

- Trụ Pháp vương tử: Đối với Phật pháp vương, chỗ hành trụ xuất, sinh ra chánh trí, kham trụ rốt ráo vô thượng Bồ-đề, gọi là trụ Pháp vương tử.

- Trụ Quán đảnh: Hạnh tu thuận trên trí Phật hiện tiền, gọi là trụ Quán đảnh. Lại cũng có thể là Bồ-tát học tất cả trí, được Phật thọ ký, gọi là trụ Quán đảnh.

Danh tự như thế.

2. Nói về tướng:

Trụ có hai phần:

- Phần Tu

- Phần Thành tựu

Đối với các trụ ở trước phương tiện tạo tu gọi là phần Tu. Đức thành tựu chứng được chân thật rộng lớn bất động gọi là phần Thành tựu. Cho nên kinh nói: “Chủng tánh của Bồ-tát sâu xa rộng lớn, đồng với hư không pháp giới”.

Thành: Là chứng chân thật

Phần: Là chẳng thể dùng lời nói.

Khởi tu đối với duyên có thể dùng ngôn ngữ hiển bày. Cho nên trong Địa Trì nói: “Chủng tánh tướng thô ta đã nói lược, còn các nghĩa chân thật chỉ có Phật Thế Tôn mới định biết được”.

Tu phần khác nhau, lược nói có hai thứ:

- Đồng tướng

- Biệt tướng

Đối với lời Phật nói đối với tất cả pháp hiểu quán thành tựu, gọi là Đồng tướng. Cho nên Thập trụ trong kinh kia đều nói: “Bồ-tát tùy theo chỗ nghe pháp liền tự khai hiểu, chẳng do người khác mà ngộ. Trong mỗi trụ, chỗ tu đều có khác nên gọi là Biệt tướng.

Trụ sơ phát tâm, tướng biệt có ba:

- Tướng phát tâm: Duyên theo Phật pháp tăng và duyên chúng sinh mà khởi tâm Bồ-đề.

- Tướng sở thành: Do phát tâm ở trước mà được phần mười lực, từ Xứ phi xứ cho đến Lưu tận.

- Tướng sở học: Học mười thứ pháp khiến tâm Bồ-đề chuyển tiến vững chắc thành đạo vô thượng. Như trong kinh có nói rộng.

Trụ Trị địa, tướng biệt có hai:

* Hạnh lợi tha: Đối với các chúng sinh phát mười tâm, như trong kinh nói rộng.

* Hạnh tự lợi: Học mười pháp, ban đầu từ học rộng cho đến an trụ, cũng như trong kinh nói.

Trụ Tu hành, tướng biệt có hai:

Hạnh ngăn ngừa phiền não: Đối với tất cả pháp quán Sát mười thứ, là khổ, vô thường, không, vô ngã v.v...

Hạnh hộ trì Tiểu thừa: Đối chúng sinh cõi pháp giới, thế giới phân biệt có mười thứ.

Trụ Sinh quý, tướng biệt có hai:

Trong Thánh pháp sinh ra đầy đủ hạnh, như kinh ấy nói “Trong Thánh pháp phát sinh mười pháp tu:

- Tin Phật chẳng hoại.
- Rốt ráo đối với pháp.
- Định ý vắng lặng.
- Phân biệt chúng sinh.
- Phân biệt cõi Phật.
- Phân biệt thế giới.
- Phân biệt các nghiệp.
- Phân biệt quả báo.
- Phân biệt sinh tử.
- Phân biệt Niết-bàn.

Trong mười thứ này, một thứ đầu là trí Đồng kính, câu thứ hai là trí Tự trụ xứ rốt ráo, câu thứ ba là trí Chân như, bảy câu sau là trí Phân biệt sở thuyết.

Trên câu Phật pháp không thỏa mãn để học mười pháp, nghĩa là đối với pháp của chư Phật trong ba đời, có thể hiểu, có thể tu, có khả năng kham nhận đầy đủ tức câu thứ chín; đồng quán chư Phật là câu thứ mười.

Trụ Phương tiện cụ túc, tướng biệt có hai:

Hạnh giáo hóa chúng sinh: Nói rộng có mười thứ, nghĩa là cứu

chúng sinh làm lợi ích an vui tất cả chúng sinh, như trong kinh nói rộng.

Hạnh biết chúng sinh: Tu học mười thứ biết pháp chúng sinh, đầy đủ như kinh nói.

Trụ Chánh tâm, tướng biệt có hai:

Tin quyết định: Tuy nghe các thuyết khác mà đối trong Phật pháp vẫn chánh tín bất động.

Trí quyết định: Học mười thứ trí, quán tất cả pháp vô tướng, vô tánh, không thể tu.

Trụ Bất thối, tướng biệt có hai:

Nguyện bất thối: Tuy nghe các thuyết khác mà đối với Phật pháp vẫn cầu tâm bất thối, nói rộng có mười thứ, như trong kinh nói.

Trí bất thối: Có đầy đủ mười thứ biết tất cả Phật pháp, cũng như trong kinh nói.

Trụ Đồng chân, tướng biệt có hai:

- Được hạnh cao siêu: Đối với mười thứ phát tâm được an trụ, nghĩa là thân hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, theo ý thọ sinh biết được chúng sinh.

- Cõi nước Phật thanh tịnh: Đối với tất cả cõi Phật đều có thể biết, có thể động, có thể trì, có thể quán, có thể lại, có thể đến.

Trụ Pháp vương tử, tướng biệt có hai:

- Hạnh giáo hóa chúng sinh: Khéo hiểu mười pháp giáo hóa chúng sinh.

- Hạnh cầu Bồ-đề: Ở chỗ Pháp Vương học mười thứ trí.

Trụ Quán đảnh, tướng biệt có ba:

- Độ chúng sinh có thể tu hành: Thành tựu mười chủng trí hay năng độ chúng sinh.

- Được vào cảnh giới sâu Xa; tất cả chúng sinh cho đến phần thứ chín là Bồ-tát Pháp Vương Tử không thể so lường.

- Chỗ hiểu biết rộng: Học mười chủng trí biết được tất cả pháp.

Trong địa vị Thập trụ nói rộng thì khắp pháp giới, tất cả đức hạnh, lược nêu như kia.

Thế tướng là thế.

3. Nói về giai vị:

Địa vị ở chỗ nào? Có người giải thích rằng: “Bồ-tát Thập chính là Trụ Thập địa, chỗ hành đồng với Thập địa”.

Hỏi: Nếu đây là Thập địa, vì sao trong kinh nói Bồ-tát này chủng

tánh sâu xa rộng lớn, cùng tốt hư không, đồng với pháp giới?

Giải thích: Kinh nói chủng tánh rõ này chẳng phải Thập địa, nay chính là nói đối với tập chủng. Do tập chủng ban đầu lìa lui sụt, nên nói là Trụ.

Hỏi: Nếu như thế, vì sao chỗ hành lại đồng với Thập địa?

Giải thích: Địa trên dưới đồng nương, do nương mà sinh tín nên nói là Hiền thủ, nương mà sinh hiểu nên nói là mười trụ, nương mà khởi hạnh nên nói là mười hạnh, nương để khởi chánh quán như thật nên nói là hạnh Giải, nương để được chứng nhập nên nói là mười địa. Cho nên trong Địa kinh nói: “Ví như tất cả các sách vở đều nằm trong chương đầu, chương đầu là gốc. Mười địa cũng như thế, là tất cả căn bản của Phật. Hành ở có thể được tất cả Phật pháp, đó là chỗ học, tuy là địa pháp mà hành ở Tập chủng”.

4. Tướng nhân duyên khởi thuyết:

Chia làm sáu thứ:

- Về thời gian nói: Trong kinh tuy chẳng nói theo Địa kinh ứng ở ngày thứ hai nhân với bảy thành mười bốn tuyên thuyết.

- Về nơi chốn nói: Ở trên điện Diệu Thắng tại cõi trời Đao-lợi.

- Về người nói: Do Bồ-tát Pháp Tuệ giảng nói.

- Về người nói chỗ nhập Tam-muội: Bồ-tát Pháp Tuệ nương thần lực của Phật nhập vô lượng Tam-muội phương tiện của Bồ-tát.

- Về những người che chở: Mười phương mỗi ngàn Đức Phật ngoài thế giới, mỗi ngàn Đức Phật nơi thế giới, vô số chư Phật như các bụi đồng tên là Pháp Tuệ cùng che chở.

- Về người chứng cứ: Mười phương muôn Đức Phật ngoài thế giới, có mười thế giới Phật, Bồ-tát số như các bụi cùng tên là Pháp Tuệ nhóm họp làm chứng.

Nghĩa mười trụ nói lược như thế.

13. NGHĨA MƯỜI HẠNH

Chia làm sáu môn:

1- Giải thích tên gọi.

2- Nói về thể.

3- Mục đích khởi tu.

4- Chỗ nương khởi hạnh.

5- Nói về giai vị.

6- Nhân duyên khởi nói.

1. Giải thích tên:

Một môn nói có mười, mười là hạnh nào:

- 1- Hạnh Hoan hỷ
- 2- Hạnh Lợi ích
- 3- Hạnh Không sân hận
- 4- Hạnh Vô tận
- 5- Hạnh Lìa si loạn
- 6- Hạnh Thiện hiện
- 7- Hạnh Không đắm trước
- 8- Hạnh Tôn trọng
- 9- Hạnh Thiện pháp
- 10- Hạnh Chân thật

Hạnh Hoan hỷ: Hạnh bố thí tâm Hoan Hỷ cũng khiến người khác Hoan Hỷ, gọi là Hạnh Hoan hỷ.

Hạnh Lợi ích: Do trì tịnh giới làm lợi ích cho mình và người, gọi là Hạnh Lợi ích.

Hạnh Không sân hận: Tu nhẫn nhục lìa sân hận, gọi là Hạnh Không sân hận.

Hạnh Vô tận: Siêng tu tinh tấn nhiếp rộng pháp lành, gọi là Hạnh Vô tận.

Hạnh Lìa si loạn: Thường tu định ý, lìa bỏ ngu si phân biệt luống dối, gọi là Hạnh Lìa si loạn.

Hạnh Thiện hiện: Biết thật tướng của pháp, bát-nhã hiện tiền, gọi là Hạnh Thiện hiện.

Hạnh Không mê đắm: Do tâm không mê đắm khởi các hạnh, gọi là Hạnh Không mê đắm.

Hạnh Tôn trọng: Thành tựu các thứ gốc lành cao quý, gọi là Hạnh Tôn trọng.

Hạnh Thiện pháp: Thành tựu các pháp lành giáo hóa người, gọi là Hạnh Thiện pháp.

Hạnh Chân thật: Thành tựu ngôn ngữ thành thật bậc nhất, như lời nói mà thật hành, như chỗ hành mà nói, gọi là Hạnh Chân thật.

Danh nghĩa như thế.

2. Nói về thể:

Hạnh có hai phần:

- Tu: Tùy duyên mà tu tập.
- Thành tựu: Chứng thật bình đẳng rộng lớn bất động, nên kinh

nói “Hạnh nghiệp của Bồ-tát rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không”.

Phần thành tựu thật khó dùng ngôn ngữ để luận bàn, phần tu hành là ở tại duyên nên dễ dùng lời nói để hiểu. Nay nương phần tu hành thứ lớp mà giải thích gồm:

Hạnh hoan hỷ: Bồ thí làm thể, nên kinh nói: “Hạnh hoan hỷ là đại thí chủ, xả bỏ tất cả sở hữu bồ thí cho chúng sinh”. Hạnh bồ thí sinh hoan hỷ có hai:

Tự sinh hoan hỷ: Kinh nói: “Bồ thí rồi không hối hận, chẳng do phiền não mà sinh ưu não, ngược lại Hoan Hỷ gấp bội là ta được thiện lợi”

Làm người khác sinh Hoan Hỷ: Kinh nói: “Khi tu hạnh hoan hỷ tất cả chúng sinh đều hoan hỷ yêu mến”.

Hạnh lợi ích: Lấy giới làm thể, nên kinh nói: “Trì giới thanh tịnh, đối với sắc, thanh v.v... tâm không mê nhiễm, dù cho có các tướng ma, các thiên nữ và đầy đủ vui sướng đến vẫn không sinh niệm ác”. Khi trì giới chỗ lợi ích có hai:

- Tự làm lợi ích: Kinh nói: “Ta trì tịnh giới lìa tất cả trói buộc về ưu bi khổ não mà thành tựu Bồ-đề”.

- Làm lợi ích cho người: Kinh nói: “Tất cả chúng sinh chưa độ được độ, chưa hiểu được hiểu”. Tất cả như thế.

Hạnh không sân hận: Vì lấy nhẫn nhục làm thể, kinh nói: “Thường tu nhẫn nhục, dù cho có vô lượng vô số chúng sinh mỗi người đều dùng vô số lưỡi, vô số tay để hủy nhục Bồ-tát, mà Bồ-tát không sân si phiền não”.

Hạnh vô tận: Lấy tinh tấn làm thể, kinh nói: “Siêng tu tinh tấn là trên hết, đại tinh tấn bậc nhất”.

Hạnh lìa si loạn: Lấy định làm thể, kinh nói: “Chánh niệm bậc nhất chưa hề tán loạn. Đối tất cả hạnh trong tất cả pháp đều không si loạn”.

Hạnh Thiện hiện: Dùng trí tuệ làm thể, trong đây phân biệt nói lược có hai thứ:

Hạnh thuận không: Thành tựu vắng lặng thân khẩu ý nghiệp, biết tất cả pháp đều không thật có, nên kinh nói: “Biết tất cả chúng sinh lấy tánh không làm tánh, lấy tất cả pháp vô vi làm tánh, lấy tất cả cõi Phật vô tướng làm tướng, rớt ráo ba đời đều là vô tánh”. Tất cả như thế.

Hạnh tùy theo tất cả: Kinh nói: “Cũng lại chẳng xả tâm Bồ-đề, chẳng xả bỏ giáo hóa tất cả chúng sinh, thêm lớn tâm từ bi” Tất cả như

thế.

Hạnh không mê đắm trước: Trí tuệ đại phương tiện phát khởi hạnh cao quý, lấy đó làm thể, nên kinh nói: “Do tâm không mê đắm phát khởi các hạnh”. Tâm không đắm trước là trí phương tiện, đối với có mà chẳng nhiệm, đối với không mà chẳng trụ, nên năng khởi hạnh. Chỗ khởi các hạnh tức là phát khởi hạnh cao siêu.

Hạnh tôn trọng: Lấy tất cả các thứ thành tựu gốc lành làm thể, nên kinh nói: “Bồ-tát thành tựu gốc lành tôn trọng không hoại gốc lành tối thắng, gốc lành không thể nghĩ bàn tận vô biên, vô số vắng lặng, cho đến tất cả gốc lành Phật pháp”. Trong đây phân biệt lược nói có hai thứ:

- Báo hạnh thành thực: Trước đã tu nay được thành thực.

- Phát khởi cao quý: Rộng nhóm họp các hạnh, thú hưởng Bồ-đề.

Hạnh thiện pháp: Dùng tất cả các hạnh giáo hóa chúng sinh làm thể, kinh nói: “Vì hàng tất cả chúng sinh trời người v.v... làm hồ mát mẻ, đầy đủ tất cả các môn đà-la-ni, biện tài vô ngại, các thứ âm thanh, các thứ thân”.

Hạnh chân thật: Lấy chỗ tu tập tất cả các đức của chư Phật Như Lai làm thể, kinh nói: “Học ngôn ngữ chân thật của chư Phật trong ba đời, nhập vào tánh chư Phật trong ba đời, học gốc lành chư Phật ba đời, đầy đủ mười lực, bốn vô úy của chư Phật”.

Tất cả là như thế, thể tướng như thế.

3. Nói về mục đích khởi tu:

Mục đích có bốn:

- Vì chán hữu vi nên tu các hạnh

- Vì cầu Bồ-đề đầy đủ đức của chư Phật nên tu các hạnh.

- Vì lợi ích chúng sinh ở đời hiện tại, vị lai vì cứu độ chúng sinh mà tu các hạnh.

- Vì cầu thật tế, vì chứng pháp như mà tu các hạnh.

Cho nên kinh nói: “Muốn biết pháp thanh tịnh bình đẳng nên tu hạnh tinh tấn”. Lý thật của các hạnh đều đầy đủ bốn thứ hạnh này, văn kinh có chỗ nói có chỗ không nói, ẩn hiển như thế. Trong bốn phần thì ba phần trước là cầu thế pháp, một phần sau là cầu lý.

Mục đích như thế.

4. Chỗ nương khởi hạnh:

Chỗ nương có hai:

- Nương Thế để tu tập các hạnh
- Nương Chân đế.

Như trong phần Hoan hỷ nương người bố thí và người thọ tài vật mà tu hành bố thí, là nương Thế đế. Chẳng thấy người bố thí, người thọ tài vật, hoặc nghiệp hoặc quả, tất cả như thế gọi là nương Chân đế.

Phần hoan hỷ đã rõ ràng, các hạnh cũng như thế.

5. Nói về giai vị:

Địa vị ở chỗ nào? Có chỗ giải thích rằng: Chỗ thật hành của Sơ địa trở lên tức là pháp Thập địa.

Hỏi: Nếu đây là Thập địa vì sao kinh nói: “Muốn cho chủng tánh của Bồ-tát thanh tịnh, nguyện các hạnh chẳng chuyển, các thứ chẳng dứt”, lấy đó làm kệ tụng ư?

Giải thích: Trong kinh nói rằng: “Chủng tánh thanh tịnh rõ chẳng phải Thập địa, nay chính trong luận địa vị ở chủng tánh, dùng chủng tánh để kiến lập gọi là Thập hạnh.

Hỏi: Trong kinh nói thẳng rằng: “Muốn cho chủng tánh thanh tịnh” vậy làm sao được biết nghiệm về chủng tánh?

Giải thích: Trong văn tuy không chia chia chỉ nói nhân duyên, trước lỗi của Thập Trụ ở trước yếu kém, sau đến Hồi hướng và Thập Địa rõ ràng ở tại chủng tánh.

Hỏi: Nếu ở đây là chủng tánh, vì sao sở hành đồng với Thập địa?

Giải thích: Nghĩa này trong Thập trụ trước đã phân biệt rộng, pháp Thập

Địa trên dưới đồng nương. Sở học này tuy là pháp địa chẳng ngăn ngại hạnh thành tựu ở tại Chủng tánh.

Phân biện địa vị là như thế.

6. Nhân duyên khởi nói:

Nói về tướng này, giải thích có sáu trường hợp:

- Về thời gian nói: Văn tuy chẳng nói theo Địa kinh cũng ứng vào ngày hai bảy (bảng ngày thứ hai, hai nhân bảy)

- Về nơi chốn nói: Cung Bảo Trang nghiêm ở cõi trời Diệm-ma.

- Về người nói: Là chỗ nói của Bồ-tát Công Đức Lâm.

- Nói về sở nhập Tam-muội: Khi nói pháp này nương thần lực của chư Phật nhập vào Tam-muội của Bồ-tát Thiện Phục.

- Nói về người che chở: Mười phương mỗi mỗi trải qua thế giới muôn Đức Phật số như bụi nhỏ, đều có muôn Đức Phật thế giới chư Phật nhiều như bụi nhỏ, đồng tên Công Đức Lâm cùng nhau che chở.

- Nói về người làm chứng: Mười phương mỗi phương trải qua mười muôn cõi Phật ngoài thế giới như cát bụi, đều có mười muôn cõi Phật Bồ-tát như cát bụi, đồng tên Công Đức Lâm nhóm họp làm chứng.

Mười hạnh là như thế.

14. NGHĨA MƯỜI HỒI HƯƠNG

Chia làm bốn môn:

- 1- Giải thích danh nghĩa.
- 2- Nói về tướng.
- 3- Nói về giai vị.
- 4- Nhân duyên khởi nói.

1. Giải thích danh nghĩa

Nghĩa mười hồi hương xuất xứ từ kinh Hoa Nghiêm, trải qua pháp lành rồi có chỗ thú hương nên gọi là Hồi hương, hồi hương khác nhau, một môn nói có mười, mười môn là:

Hồi hương cứu hộ tất cả chúng sinh, là tướng chúng sinh.

Hồi hương không hoại.

Hồi hương bình đẳng với tất cả Phật.

Hồi hương đến tất cả chỗ.

Hồi hương về kho công đức vô tận.

Hồi hương thuận theo tất cả thiện căn vững chắc.

Hồi hương với tâm bình đẳng thuận theo tất cả chúng sinh

Hồi hương như tướng.

Hồi hương giải thoát không trói buộc, không chấp trước.

Hồi hương vô lượng pháp giới.

- Hồi hương cứu hộ tất cả chúng sinh là tướng chúng sinh: y theo chỗ hồi hương để đặt tên. Bồ-tát tu hành sáu Ba-la-mật để nhiếp lấy chúng sinh, khiến là tất cả nghiệp khổ phiền não mà an trụ Bồ-đề, hồi hương cứu hộ tất cả chúng sinh nhưng là tướng chúng sinh.

- Hồi hương Bất hoại: y theo nghĩa hồi hương để đặt tên, như trong kinh nói: “Đối với Phật, Bồ-tát và tất cả pháp được lòng tin chẳng hoại, gọi là Bất hoại. Hồi hương thiện căn này có chỗ thú hương, gọi là Hồi hương Bất hoại.

- Hồi hương tất cả Phật đều bình đẳng: Theo chỗ học mà đặt tên. Kinh nói: “Bồ-tát học chư Phật thời quá khứ, hiện tại, vị lai mà thật hành hồi hương”, gọi là Hồi hương tất cả Phật đều bình đẳng. Đối với môn này, trên nguyện chư Phật, đầy đủ tất cả mười thứ vui sướng của

chư Phật, nghĩa là Tam-muội Bất tư nghị giải thoát, đại từ bình đẳng, rộng như kinh nói. Kế đến là nguyện Bồ-tát đầy đủ tất cả hạnh rốt ráo của Phật. Dưới nguyện chúng sinh ra khỏi tất cả nghiệp khổ phiền não, đầy đủ hạnh Bồ-tát, đầy đủ công đức Phật.

- Hồi hướng đến tất cả chỗ: Theo hạnh thành tựu làm lợi ích mà đặt tên, như trong kinh nói: “Bồ-tát tu tất cả gốc lành, dùng Năng lực để hồi hướng khiến gốc lành này đến tất cả chỗ”. Thí như Tế thật không chỗ nào mà không đến, gọi là hồi hướng Chí nhất thiết xứ. Nghĩa là đến tất cả chỗ Phật Pháp Tăng cúng dường vô tận, đến tất cả chỗ thật hành đầy đủ sự tu tập, đến tất cả chỗ quả thành tựu viên mãn đầy đủ, đến tất cả chỗ cõi Phật trang nghiêm đầy đủ, đến tất cả chỗ chúng sinh nhiếp hóa đầy đủ, đến tất cả chỗ pháp hiểu biết đầy đủ. Bình đẳng như thế.

- Hồi hướng về cho công đức vô tận: Theo chỗ hồi hướng mà đặt tên. Như trong kinh nói: “Đã hồi hướng công đức đã tu vô tận có chỗ thú hưởng, gọi là Hồi hướng về cho công đức vô tận; cũng do được từ chỗ cầu thành tựu để đặt tên kia, cầu Phật, Bồ-tát vô tận công đức có thể thành gốc lành công đức vô tận, gọi là Hồi hướng về cho công đức vô tận.

- Hồi hướng thuận theo tất cả gốc lành vững chắc: Theo chỗ thành tựu mà nói tên. Đã hồi hướng chỗ tu bố thí bình đẳng gốc lành có chỗ thú hưởng. Vì Phật mà giữ gìn năng thành tựu tất cả gốc lành vững chắc, gọi là hồi hướng thuận theo tất cả gốc lành vững chắc. Cho nên kinh nói: “Trụ hồi hướng này vì vô lượng chư Phật mà giữ gìn, được pháp bền chắc, gốc lành vững vàng, nguyện vững vàng.

- Hồi hướng với tâm bình đẳng tùy thuận theo tất cả chúng sinh: Theo chỗ lợi ích mà rõ tên. Bồ-tát tăng trưởng tất cả gốc lành thêm lớn để hồi hướng, để bình đẳng làm lợi ích tất cả chúng sinh, gọi là hồi hướng với Tâm bình đẳng thuận theo tất cả chúng sinh.

- Hồi hướng Như tướng: Theo chỗ nương mà nói tên. Bồ-tát thành tựu tất cả các thứ gốc lành, đồng chứng tất cả nên gọi là Như tướng. Trong kinh nói: “Các thứ gốc lành là một quán chẳng hai”. Hồi hướng gốc lành này có chỗ thú hưởng, gọi là hồi hướng Như tướng. Lại, Bồ-tát có tâm hồi hướng nương các thứ môn chân như mà khởi, cho nên cũng gọi là Như tướng hồi hướng. Cũng có thể theo chỗ: Thí như, huống là v.v... mà đặt tên. Tùy theo tất cả pháp để nói về chân như, nghĩa như vô biên, như kinh nói rộng. Nghĩa là tánh như, tướng như, pháp như, hạnh như, cảnh giới an lập như, lượng như, sung mãn như, cứu trụ như v.v... hồi hướng thiện căn đồng như tướng kia, đối tất cả pháp khác nhau cầu

tên như tướng hồi hương. Cho nên kinh nói: “Như tánh như, gốc lành cũng vậy, hồi hương cầu tất cả pháp tánh như, tướng như, gốc lành cũng vậy, hồi hương cầu biết tất cả pháp tướng. Như thế v.v...”

- Hồi hương giải thoát không trói buộc không chấp trước: Theo tâm hồi hương để đặt tên. Đối với tất cả pháp không chấp thủ, gọi là không trói buộc, không mê đắm. Đối với pháp tự tại gọi là giải thoát. Bồ-tát chẳng khinh tất cả pháp lành, do tâm không trói buộc không đắm trước được giải thoát hồi hương pháp lành kia, cầu hạnh Phổ Hiền, sẽ đầy đủ các đức của Phổ Hiền, gọi là không trói buộc, không mê đắm giải thoát hồi hương.

- Hồi hương pháp giới vô lượng: Theo chỗ cầu mà nói tên. Bồ-tát tu tập hồi hương vô tận gốc lành nguyện cầu pháp giới không khác nhau vô lượng công đức, gọi là hồi hương Pháp giới vô lượng.

Danh nghĩa là như thế.

2. Nói rõ tướng:

Mười hồi hương này đại khái chia làm ba:

- Hồi hương thiện căn tu của chúng sinh: Hồi hương bố thí chúng sinh nguyện cho họ khỏi tất cả nghiệp khổ phiền não, đầy đủ hạnh Bồ-tát cụ túc của Phật.

- Hồi hương gốc lành Bồ-đề đã tu: Cầu tất cả trí.

- Hồi hương phúc lành đã tu để chứng thật tế: Nguyện chứng thật tế, đối với tất cả pháp không lấy không bỏ.

Hồi hương chủ yếu tuy nhiều nhưng không ngoài ba hồi hương này.

Thể tướng là như thế.

3. Nói về giai vị :

Theo nghĩa mà nói chung thì tâm hồi hương không chỗ nào không có. Nay ở đây nói về nơi giải hạnh, lỗi do chủng tánh trước yếu kém ở nơi Thập địa. Do đây suy tìm rõ ở giải hạnh. Vì trong giải hạnh gần ở nơi xuất đạo nên tu hồi hương, thuận theo thú nhập. địa vị chia ra như thế.

4. Nhân duyên khởi nói:

Giải thích có sáu trường hợp:

- Về thời gian nói: Trong văn không có nói, chỉ y theo Địa kinh có lẽ cũng vào ngày thứ hai bảy(hai nhân bảy)

- Về nơi chốn nói: Ở cung điện Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm tại cõi trời Đâu Suất.

- Về người nói: Là tuyên thuyết của Bồ-tát Kim cang Tràng.

- Về người nói đã nhập Tam-muội: Bồ-tát nhập Tam-muội minh trí.

- Về người che chở: Mười phương mỗi phương trải qua trăm muôn cõi Phật ngoài thế giới như bụi nhỏ đều có trăm muôn cõi Phật, chư Phật nhiều như số cát bụi đồng tên Kim cang Tràng, cùng nhau che chở.

- Về người làm chứng: Mười phương mỗi phương trải qua trăm muôn cõi Phật ngoài thế giới nhiều như cát bụi đều có trăm muôn cõi Phật, chư Phật nhiều như số cát bụi đồng tên Kim cang Tràng, nhóm họp làm chứng.

Nghĩa hồi hướng rất rộng khó nói cho đủ, nay theo tông yếu mà nói lược.

15. NGHĨA MƯỜI ĐỊA:

Chia ra bốn môn:

- 1- Giải thích tên.
- 2- Nói về thể.
- 3- Nói về giai vị.
- 4- Nhân duyên khởi nói.

1. Giải thích tên gọi:

Về chỗ nói Địa luận giải thích khác nhau, theo Tỳ-bà-sa là Trụ xứ giải địa, cho nên luận kia nói mười thêm bậc trụ xứ gọi là mười địa, nếu nương hai nghĩa Địa và Trì nêu giải thích là:

Nghĩa Trì để giải thích Địa, nên luận kia trước nêu pháp Địa để giải thích Trì.

Hay phát sinh để giải thích Địa, nên luận kia nói tự thọ hạnh nên gọi là Trụ, nhiếp thọ chúng sinh do đó là Địa. Nếu nương Địa luận nói bốn nghĩa để giải thích, gồm:

- Sinh
- Thành
- Trụ
- Trì

Cho nên luận ấy nói: “Sinh, Thành Phật trí trụ trì gọi là Địa”. Sinh cùng thành hưởng đến quả Phật. Ban đầu khởi gọi là sinh, sau cùng viên mãn gọi là Thành. Cũng có thể là: Hưởng ra Phật làm nhân gọi là Sinh,

làm duyên gọi là Thành. Một pháp địa gọi là nhân lại gọi là duyên. Y cứ nay nhân quả hoàn toàn chưa có, nói không khiến có nên gọi là Nhân. Y cứ kia ngay nơi quả, quả thì có thể có; cũng có thể là: Địa có chứng và giáo riêng, quả có tánh tịnh phương tiện khác nhau. Hưởng đến quả tánh tịnh, chứng đạo làm Nhân, giáo đạo làm Duyên, hưởng về quả phương tiện, giáo đạo làm nhân, chứng đạo làm duyên, cho nên ở Địa mà nói nhân, nói duyên.

Cái gọi là Trụ là ngay nơi phần làm ngôn ngữ, chỗ đức thành tựu gọi là Trụ. Nói Trì là hưởng chung về nhân quả, tựa như Sơ địa hưởng đến Nhị địa nên nói là Trì. Cho đến trước hưởng về các địa của Phật, sau hưởng về thứ lớp rõ ràng. Bởi trong Địa bao gồm nhiều nghĩa cho đến giải thích các thứ khác nhau, địa pháp khác nhau, một môn nói có mười địa, mười Địa là:

1. Địa Hoan Hỷ.
2. Địa Ly Cấu.
3. Địa Minh.
4. Địa Viêm.
5. Địa Nan Thắng.
6. Địa Hiện Tiền.
7. Địa Viễn Hành.
8. Địa Bất Động.
9. Địa Thiện Tuệ
10. Địa Pháp Vân

- Địa Hoan Hỷ: Trong kinh cũng gọi là Tịnh Tâm địa. Thành tựu vô hạnh thượng tự lợi lợi tha. Ban đầu ở chỗ chứng Thánh phần nhiều sinh Hoan Hỷ, nên gọi là địa Hoan Hỷ. Khi trụ địa này ở trong chân như chứng tâm thanh tịnh, gọi là địa Tịnh tâm. Lại, đối với Tam bảo được lòng tin thanh tịnh nên cũng gọi là địa Tịnh Tâm. Nhưng, Sơ địa là đối với địa vị phàm ở trước, nên gọi là địa Thánh; đối với phàm phu chấp ngã chướng nên gọi là địa Vô ngã; đối với địa vị tín ở trước nên gọi là địa Chứng; đối với tu đạo ở sau nên gọi là địa Kiến. Do nhiều nghĩa như thế cho nên không thể cùng nêu hết, về mặt lợi ích nên gọi là địa Hoan Hỷ.

- Địa Ly cấu: Khởi lòng tin, trong luận gọi là địa Cụ Giới; Địa Trì gọi là địa Tăng Thượng giới; lìa tâm hay lìa khởi phiền não cấu phạm giới v.v... Thanh tịnh đầy đủ nên gọi là Địa Ly cấu, đầy đủ tịnh giới gọi là địa Cụ Túc; giới hạnh cao quý gọi là giới Tăng thượng.

- Địa Minh: Giải thích có ba nghĩa:

Được địa thượng chứng tướng sáng tỏ nên gọi là địa Minh. Luận nói: “Bốn địa thượng kia không sinh hạnh tuệ, đây gọi là địa Minh”, nhân sáng tỏ kia nên gọi là Minh.

Trong địa này được thiên phương tiện quyết định tuệ sáng nên gọi là địa Minh. Cho nên trong Địa Trì nói: “Tam-muội chiếu sáng gọi là địa Minh”.

Theo văn, tư, tu mà chiếu pháp được hiển hiện nên gọi là địa Minh. Trì Địa nói: “Pháp chiếu sáng gọi là địa Minh”.

- Địa Viêm: Giải thích có hai nghĩa:

Theo chứng thể mà giải thích: Như Địa Luận nói: “ Chằng quên phiền não thì ngọn lửa trí sẽ thiêu đốt, nên gọi là địa Viêm”. Trong ba địa trước, phân biệt mà hiển bày gọi là “chằng quên”. Địa thứ tư này là lửa trí, có nghĩa là đốt, nên nói là “củi”. Địa thứ tư chứng trí đối với nghĩa củi ở trước nên nói là “Viêm”, bỏ phân biệt ở trước nên nói “năng thiêu đốt”. Đây đối trị cũng như lửa thế gian, khói thiêu đốt các vật, nên gọi là địa Viêm.

Giải thích theo dụng: Như Địa Luận nói: “ Pháp chứng trí sáng như báu Ma-ni, trong đó phát ra ánh sáng A-hàm, nên gọi là địa Viêm”. Ở đây nói Bồ-tát nương thể chứng trí, khởi quán A-hàm, biết tác dụng như ánh sáng hạt châu, nên gọi là Viêm.

- Địa Nan Thắng: Luận giải thích khác nhau. Nếu nương Địa Trì được trí quyết định khó có thể vượt qua, nên gọi là Nan thắng. Nếu nương Địa Luận được trí xuất thế, phương tiện khéo léo độ được những người khó độ, gọi là địa Nan thắng. Được trí xuất thế có phương tiện khéo léo nên giải thích là khó, độ được người khó độ nên giải thích là Thắng. Độ là đến (đáo), tức đến chỗ khó thắng của ba địa trước, đến phương tiện khéo léo khó thắng của địa thứ tư, do kia không thể theo thế gian.

- Địa hiện tiền: Bát-nhã-ba-la-mật ở trong đại trí hiện ở trước, gọi là địa Hiện tiền.

- Địa Viễn Hành: Trong luận Khởi Tín gọi là địa Phương tiện đầy đủ. Địa Trì thì gọi là trụ vô tướng có làm có khai phát. Khéo tu hạnh vô tướng công dụng rất ráo, trải qua thế gian, Nhị thừa, xuất thế gian gọi là địa Viễn Hành. Tu đạo rất ráo thật hành phương tiện đầy đủ, công dụng chưa xả gọi là có hành có khai phát. Có hành công dụng gọi là có hành, có tu công dụng cùng khai phát chung gọi là có khai. Tịch dụng song hành, lìa tướng gián cách gọi là Vô tướng.

- Địa Bất động: Trong luận Khởi Tín gọi là Sắc Tự Tại địa. Trong

Luận Địa Trì gọi là Quyết định địa, cũng gọi là Trụ Vô tướng không hành không khai phát. Báo hạnh thuần thực, vô tướng vô gián nên gọi là địa Bất Động. Trong địa này tu hạnh tịnh độ, trong Sắc tự tại gọi là Sắc tự tại; trong dòng nước pháp quyết định tiến lên gọi là địa Quyết Định; lia bỏ công dụng gọi là không hành không khai phát, lia gián cách và tướng công dụng gọi là Vô tướng.

- Địa Thiện Tuệ: Trong luận Khởi Tín gọi là địa Tâm tự tại. Luận Địa Trì gọi là địa Quyết Định Hành, cũng gọi là Trụ Vô ngại. Có Năng lực vô ngại nói pháp thành tựu hạnh lợi tha, dùng trí tuệ khéo léo gọi là địa Thiện Tuệ. Ở địa này khéo biết tâm vật, gọi là Tâm tự tại. Nương quyết định ở trước hướng lên cầu tiến, gọi là hạnh Quyết Định. Đây đủ vô ngại biện tài này gọi là Trụ vô ngại.

- Địa Pháp Vân: Trong Luận Địa Trì gọi là địa Cứu cánh, cũng gọi là Trụ Tối Thượng. Bồ-tát tột cùng viên mãn gọi là địa Cứu cánh; Bồ-tát trong ấy tột cùng gọi là Trụ Tối Thượng.

Danh nghĩa như thế.

2. Nói về thể tướng:

Mười địa là địa vị, địa vị không có thể tự riêng khác, gồm các hạnh để thành tựu. Hạnh thành tựu địa vị khai hợp chẳng nhất định, hoặc chung làm một, nghĩa là nguyện lành của Bồ-tát quyết định sâu xa thâm nạp các hạnh, bao gồm đầy đủ muôn đức, các đức nhiếp nhau đều được thành một. Do nguyện hạnh làm chủ nên luận nghiên về một bên. Hoặc chia làm hai, nghĩa là hai hạnh chứng giáo của Bồ-tát, giải thích như trước đây đủ. Hoặc chia làm ba, nghĩa là đồng, tướng ba đường:

- Chứng
- Trợ giúp
- Bất trụ

Cũng như trên đã giải thích.

Lại, giới định tuệ cũng được chia làm ba, hoặc chia làm bốn là: Văn, tư, tu, chứng. Nghe giáo gọi là Văn, cầu nghĩa gọi là Tư, tinh tấn hành gọi là Tu, được chân thật gọi là Chứng. Hoặc chia làm năm là: Văn, tư, tu, báo sinh thức trí và cùng chứng hạnh. Lại phương tiện có năm như Địa Luận nói:

Phương tiện quán: Quán giải các địa.

Phương tiện được: Được chứng các địa.

Phương tiện tăng thượng: Nương chứng thành tựu tất cả đức hạnh.

Phương tiện không hư: Giữ vững chắc ba thứ trước.

Phương tiện đến hết: Ba thứ trước đều đầy đủ.

Hoặc chung làm sáu, là sáu quyết định như trước. Sáu quyết định này trong chương có phân biệt rộng.

Sáu thứ ba-la-mật cũng được chia làm sáu, hoặc chia làm tám như trong kinh Tương Tục Giải Thoát nói gồm:

- Phương tiện tịnh: Phương tiện hưởng đến địa.
- Tâm tịnh: Tâm ban đầu nhập vào địa.
- ĐịaBi tâm: Chính trụ trong địa khởi hạnh phương tiện.
- Ba-la-mật tịnh: Ở trong các địa tu các độ.
- Kiến Phật tịnh: Ở trong quả địa thấy chư Phật.
- Thành tựu chúng sinh tịnh: Khi thấy chư Phật khởi bốn nhiếp pháp thành tựu chúng sinh.

Sinh tịnh: Nghĩa là mười vị vua v.v...

Lực tịnh: Trong căn nhiếp mười việc thần lực và nguyện quả trí.

Hoặc nói có mười, nghĩa là mười hạnh như Tín v.v... Luận Địa Trì nói: “mười pháp Tín v.v..., thanh tịnh tất cả địa”. Mười ba-la-mật cũng được chia làm mười, đều như trước giải thích. Hoặc lại chia làm ba mươi bảy phẩm, cũng được chia làm tám mươi bốn ngàn các độ pháp môn, rộng thì có vô lượng.

Những thứ khai hợp này đều y cứ vào một môn, rộng cũng không thêm, hẹp cũng không thiếu.

Thế địa là như thế.

3. Nói về giai vị:

Khai hợp chẳng nhất định, hoặc là nói một, như phân biệt hai địa Chứng Tín kia. Từ Sơ địa trở lên đồng gọi là Chứng địa. Hoặc chia làm hai là Kiến và Tu, Sơ địa gọi là Kiến, Nhị địa trở lên đồng gọi là Tu.

Công dụng và Vô công dụng cũng được chia làm hai. Thất địa trở xuống gọi là Công dụng, Bát địa trở lên gọi là Vô công dụng. Hoặc chia làm ba là: Kiến, tu và vô công dụng, rộng như trên giải thích. Hoặc chia làm bốn, trong bốn thứ này có bốn môn khác nhau.

- Phân biệt Theo giải: Như trong kinh Nhân Vương nói: “Sơ, Nhị, Tam địa gọi là Tín nhẫn. Tứ, Ngũ, Lục địa gọi là Thuận nhẫn. Thất, Bát, Cửu địa gọi là Vô Sinh nhẫn. Vãng lạng gọi là Vãng lạng nhẫn.

- Phân biệt theo sự tu: Như trong Luận Địa Trì nói: “Ban đầu đến Ngũ địa gọi là tu Vô tướng. Lục địa, Thất địa là tu Tịnh vô tướng. Bát địa, Cửu địa gọi là tu Quả vô tướng”, cũng gọi là rộng. Thập địa gọi là tu Quả vô tướng thành tựu.

- Phân biệt theo tịnh: Có bốn thứ, như trong kinh Tương Tục Giải Thoát là:

Nguyện tịnh: Ở Sơ địa khởi mười đại nguyện.

Giới tịnh: Ở địa thứ hai tịnh giới thành tựu.

Định tịnh: Ở địa thứ ba thiền định tăng tiến.

Tăng thượng tuệ và thượng thượng xuất sinh tịnh: Nghĩa là từ Tứ địa trở lên khởi đức hạnh. Địa thứ bốn, năm, sáu gọi là Tăng thượng, ngoài ra gọi là Thượng Tuệ, thượng xuất sinh tịnh.

- Phân biệt theo tướng địa vị: Có bốn thứ, như Luận Địa Trì nói:

Tịnh tâm địa, hạn cuộc ở Hoan hỷ địa.

Hành Xích địa, từ Nhị địa cho đến Thất địa, đây là Khởi tu đạo nên gọi là Hành xích.

Quyết Định địa, là từ Bát địa trở lên.

Cửu cánh địa, là Thập địa.

Hoặc chia làm năm như Địa Trì nói theo trước sau, trong bốn thứ sau phân biệt quyết định địa để làm hai thứ. Một địa thứ tám gọi là Quyết Định địa, một địa thứ chín gọi là Quyết định hạnh. Nói chung cả các thứ thì có năm thứ, có chỗ nói là tám, như Địa Trì nói, địa thứ tư, năm, sáu đồng gọi là Chánh kiến. Ngoài ra đều là một, nên được làm tám. Hoặc nói là mười. Ban đầu từ Hoan hỷ địa đến Pháp Vân địa, phân biệt theo hạnh nhỏ nhiệm cũng có thể vô lượng, nay chỉ y cứ một môn, nên nói mười thứ, mà mười thứ này khó chia, nên kinh và luận phân biệt thêm bậc của mười môn, mười môn là:

- Thú hưởng đến địa phương tiện khác nhau: Như Luận Địa Trì nói: “Bồ-tát trước ở giải hạnh trong địa nương thiền thế tục, tu tập tất cả phần pháp Bồ-đề, rộng cùng đại nguyện chuyển quả báo đường ác, nhập Hoan hỷ địa. Các địa khác phương tiện như Địa kinh nói: Tu mười chân tâm nhập địa Ly Cấu, tu tập mười thứ tâm niệm sâu xa nhập địa thứ ba, khởi mười thứ tư duy nhập địa thứ tư, tu mười thứ tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nhập địa thứ năm, tu mười pháp bình đẳng nhập địa thứ sáu, mười phương tiện Tuệ phát khởi hạnh cao siêu nhập địa thứ bảy, chung các địa trước để làm phương tiện và tu mười thứ hạnh Vô Sinh nhẫn nhập địa thứ tám, tu mười thứ hạnh tự lợi lợi tha nhập địa thứ chín, chung phương tiện để viên mãn nhập địa thứ mười.

- Sơ trụ có khác: Trong Hoan hỷ địa tâm Bồ-đề sinh lấy đó làm Sơ trụ. Trong địa thứ hai tịnh giới luật nghi làm Sơ trụ, trong địa thứ ba tâm tu hộ trì phiền não hộ trì Tiểu thừa phương tiện nhiếp hạnh làm Sơ Trụ, trong địa thứ tư, mười thứ pháp trí giáo hóa thành tựu làm Sơ trụ, trong

địa thứ năm thành tựu mười hạnh, thuận theo đạo làm Sơ Trụ, trong địa thứ sáu lấy đại bi làm đầu, đại bi thêm lớn, đại bi viên mãn, quán sinh diệt thế gian làm Sơ trụ; trong địa thứ bảy tu vô lượng vô công dụng hạnh làm sơ trụ, trong địa thứ tám không có Nhẫn tịnh và được hạnh cao quý làm Sơ trụ, trong địa thứ chín được trí thành tựu làm Sơ trụ, trong địa thứ mười Tam-muội viên mãn lấy đó làm sơ trụ.

- Chánh trụ có khác nhau: Trong Hoan hỷ địa tu tín, tinh tấn, hồi hướng gốc lành để làm chánh trụ, trong địa thứ hai nhiếp thiện giới tịnh và hạnh nhiếp chúng sinh phương tiện để làm chánh trụ, trong địa thứ ba tu tám thiện thế gian để làm chánh trụ, trong địa thứ tư lấy đạo, phẩm, hạnh, quán để làm chánh trụ, trong địa thứ năm tu đạo bất trụ để làm chánh trụ, trong địa thứ sáu quán rộng nhân duyên để làm chánh trụ, trong địa thứ bảy lấy hai hạnh vô gián để làm chánh trụ, trong địa thứ tám tu cõi Phật tịnh độ và tự tại để làm chánh trụ, trong địa thứ chín hạnh khéo biết mười một thứ phức tạp để làm chánh trụ, trong địa thứ mười thọ trí Phật để làm chánh trụ.

- Quả địa có khác nhau: Trong Hoan hỷ địa khởi mười nguyện lớn tu hành mười hạnh để làm địa mãn, trong địa thứ hai giới nhiếp sinh thành tựu để làm địa mãn, trong địa thứ ba được Bốn vô lượng, năm thần thông v.v... để làm địa mãn, trong địa thứ tư lìa bỏ nghiệp phiền não dục khởi thêm lớn báo ân tinh tấn bốn tâm quả mãn để làm địa mãn, trong địa thứ năm nhiếp đức khởi tu theo thế gian giáo hóa chúng sinh để làm Địa mãn, trong địa thứ sáu đối trị diệt chúng tu hành Tam-muội chẳng hoại tự tại để làm địa mãn, trong địa thứ bảy nghiệp tịnh Tam-muội trải qua hạnh địa cao siêu để làm địa mãn, trong địa thứ tám hạnh cao siêu rộng lớn để làm địa mãn, trong địa thứ chín trí thành tựu thành Pháp sư tự tại để làm địa mãn, trong địa thứ mười các hạnh trí tuệ giải thoát Tam-muội tổng trì thần thông để làm địa mãn. Rộng như kinh nói.

- Phân biệt theo tu hành: Sơ địa tu nguyện, Nhị địa tu giới, Tam địa tu định, Tứ địa tu tuệ đạo phẩm, Ngũ địa tu hành để tương ứng tuệ, Lục địa tu tuệ duyên khởi, Thất địa tu vô lượng thứ và vô công dụng, Bát địa tu tịnh độ Phật, cửu địa tu trí hạnh nói pháp, Thập địa tu trí hạnh vi tế.

- Phân biệt theo Hạnh: Hạnh là Các-ba-la-mật như Đàn v.v.... Sơ địa khởi Đàn ba-la-mật, Nhị địa khởi Giới, cho đến Thập địa được Trí ba-la-mật, rộng như kinh nói.

- Y theo quả báo hiển bày có khác nhau: Sơ địa phần nhiều làm

vua cõi Diêm phù đề, Nhị địa phần nhiều làm vua Chuyển luân, cho đến Thập địa phần nhiều tạo thiên vương Ma hê thủ la.

- Y theo các số để nói về khác nhau: Sơ địa được trăm Tam-muội biết trăm thần lực Phật v.v... cho đến Thập địa được mười không thể nói trăm ngàn cõi Phật, Tam-muội số nhiều như cát bụi.

- Theo ví dụ nói có khác nhau: Dụ biệt có sáu: Thai tạng, luyện, kim, núi, sông, biển có khác nhau. Một dụ Thai tạng các luận gia lấy làm so sánh. Năm dụ sau các Kinh gia lấy làm thí dụ. Đối chướng mười thứ để phân biệt, chướng có mười thứ. Ban đầu từ ngã tướng phàm phu làm chướng, cho đến thứ mười, đối với các pháp bị chướng không được tự tại, rộng như ở trên giải thích. Ngược lại chướng này nên nói mười địa.

Địa vị khác nhau như thế.

4. Nói về tướng nhân duyên khởi nói:

Dùng bảy trường hợp để giải thích:

- Về thời gian nói: Sau khi Phật thành đạo vào ngày thứ hai bảy (ngày thứ mười bốn) liền giảng nói.

- Về nơi chốn nói: Ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại Vương, nơi cung điện Ma-ni Tạng.

- Về người nói: Bồ-tát Kim cang tạng giảng nói.

- Về thỉnh chủ: Ngài Giải Thoát Nguyệt.

- Về Tam-muội người nói đã nhập: Tam-muội Đại Trí Tuệ Quang Minh, cũng gọi là Tam-muội Đại Thừa Quang Minh.

- Về người che chở: Mười phương mỗi phương trải qua mười ức cõi ức số thế giới như vi trần, có mười ức cõi Phật số Phật nhiều như cát bụi, đồng tên Kim cang tạng cùng nhau che chở.

- Về người làm chứng: Mười phương mỗi phương trải qua mười ức cõi Phật số thế giới nhiều như cát bụi, có mười ức cõi Phật Bồ-tát số nhiều như cát bụi, đồng tên Kim cang tạng nhóm họp làm chứng.

Tướng mười địa nói rõ như thế.

16. NGHĨA MƯỜI CÔNG ĐỨC

Chia làm ba môn:

1- Giải thích tên.

2- Nói về tướng.

3- Phân biệt đối năm hạnh quyết định.

1. Giải thích tên:

Nghĩa mười công đức xuất xứ từ kinh Niết-bàn. Công là công năng, phá được sinh tử, chứng được Niết-bàn, độ được chúng sinh, nên gọi là Công. Công này là hạnh thiện của đức, nên gọi là công đức. Như nước trong v.v... là nước đức. Đức này sâu xa mẫu nhiệm vượt qua các tình chấp, là thể vô vi lặng lẽ, chỗ các tướng không đến được, nên kinh nói: “Chẳng chung với Thanh văn, Bích-chi-phật, không thể nghĩ bàn, người nghe đều kinh hoàng. Chẳng phải dễ, chẳng phải tướng, chẳng phải chẳng có tướng, chẳng phải pháp thế gian, không có tướng mạo thế gian, là không”. Nhưng thể của đức tuy vắng lặng mà nghĩa đầy khắp pháp giới, đức của pháp giới khó mà định luận, nay y cứ một môn lại nói mười thứ công đức mười công đức là:

Công đức Nhập trí
 Công đức Khởi thông
 Công đức Đại vô lượng
 Công đức mười lợi ích thành tựu
 Công đức năm việc quả báo
 Công đức Tâm tự tại
 Công đức Tu tập đối trị
 Công đức Đối trị thành tựu
 Công đức Tu tập chánh đạo
 Công đức Chánh đạo thành tựu

Đây là quán giải thích theo nghĩa đặt tên, trong kinh không nói.

Trong mười công đức, công đức trước tự chia công đức, bốn thứ sau tiến lên quán giải hưởng đến chân thật gọi là Nhập trí.

Diệu dụng theo duyên gọi là Khởi thông.

Giáo hóa bằng tâm sâu xa rộng lớn gọi là Đại vô lượng.

Hạnh đức kiến lập gọi là Lợi ích thành tựu.

Quả báo cao siêu tròn đầy gọi là Quả báo thành tựu.

Đầy đủ định Kim cang vô ngại gọi là Tâm tự tại.

Khéo học theo con đường bốn thứ lia lối gọi là Tu đối trị.

Lập tức giải thoát gọi là Đối trị thành tựu.

Khởi tu trên thuận gọi là Tập chánh đạo.

Đầy đủ phẩm đức gọi là Chánh đạo thành tựu.

Danh nghĩa như thế.

2. Nói về tướng:

Nhập trí công đức: Trong đức thứ nhất khác nhau có năm thứ:

Chỗ không nghe mà được nghe.
 Nghe rồi làm lợi ích.
 Dứt đoạn tâm nghi ngờ.
 Tuệ tâm ngay thẳng không quanh co.
 Biết được mật tạng của Như Lai.

Trong năm câu này thì câu đầu là Văn tuệ, câu hai, câu ba là Tư tuệ, câu bốn là Tu tuệ, câu năm là Chứng trí.

Chỗ không nghe mà được nghe: Tức là Thánh đạo, Phật tánh, Bồ-đề, Niết-bàn, Tam bảo, Tánh tướng. Ngoài ra đều là trong pháp của phàm phu, Nhị thừa là chỗ chưa từng nghe. Nay do kinh này đều được nghe, đó gọi là Chẳng nghe mà được nghe.

Nghe rồi làm lợi ích: Trong phần Tư tuệ, môn đầu là thành tựu lợi ích, môn sau là dứt nghi. Cái gọi là nghe rồi hay làm lợi ích: Tức nghe kinh này rồi ghi chép đọc tụng, vì người khác nói rộng, tư duy nghĩa kia, hay thấy tất cả nghĩa lý các pháp, tự biết được gần Bồ-đề vô thượng, đầy đủ pháp, đầy đủ nghĩa, hai thứ vô ngại. Ở tất cả chỗ nói được không sợ sệt gọi là làm lợi ích.

Dứt được tâm nghi ngờ: Vì tư duy đối với các pháp, các thứ nghi ngờ đều được dứt hẳn.

Tuệ tâm ngay thẳng không quanh co: Phàm phu, Nhị thừa luống dối phân biệt, đó gọi là tà vạy. Bồ-tát nương vào kinh Niết-bàn tu hành Thánh đạo, thấy pháp thật tướng, tà vạy dứt hẳn, nên gọi là ngay thẳng.

Biết được mật tạng sâu xa của Như Lai: Tức là Bồ-đề, Niết-bàn, Phật tánh, nghiệp quả là Mật tạng kia. Nương kinh này tận chứng tướng ứng gọi là hay biết.

Khởi thông công đức:

Trong đức thứ hai có năm việc khác nhau:

Xưa không được mà nay được.

Xưa không đến mà nay đến.

Xưa không nghe mà nay nghe.

Xưa không thấy mà nay thấy.

Xưa không biết mà nay biết.

Năm câu trên, thì hai câu đầu là thân được thông suốt, một câu kế là Thiên nhĩ. Câu kế nữa là Thiên Nhãn. Một câu sau cùng là Tha tâm và Túc mạng.

- Xưa không được mà nay được: Trong thân thông chuyển biến thân thông. Thông này không giống với ngoại đạo, Thanh văn, Bích-

chi-phật nên nói Xưa chẳng được mà nay được, vì sao không giống nhau? Lược nói có sáu thứ:

Duyên tâm khác nhau dụng: Tuy trăm thứ biến hóa đều không phân biệt, người khác không như vậy.

Tâm không theo thân, khác với người: Bồ-tát tuy biến thân thành tâm Tiểu thừa mà chẳng phải Tiểu thừa, hóa thân làm tâm Đại thừa cũng chẳng Đại thừa, người khác không như vậy.

Nhiều ít khác nhau: Bồ-tát nhất tâm nhất thời có khả năng tạo tác thân trong năm đường, người khác không có khả năng.

Chỗ vào khác nhau: Bồ-tát dùng thân rộng lớn vào trong một hạt bụi, người khác không có khả năng đó.

Ứng hiện khác nhau: Bồ-tát có một thân khiến cho chúng sinh thấy khác nhau, người khác không có khả năng.

Hư thật khác nhau: Bồ-tát biến hóa tất cả các vật đều được thật dụng, người khác không có khả năng đó.

- Xưa không đến mà nay đến: Trong thân thông suốt phi hành thần thông. Một niệm thần thông của Bồ-tát đến được hằng sa cõi mà không có tâm đến, người khác không như vậy.

- Xưa không nghe mà nay nghe: Các tiếng gần xa, thô tế ở mười phương một lúc đều nghe mà không phân biệt.

- Xưa không thấy mà nay thấy: Các sắc tượng gần xa, thô tế ở mười phương một lúc đều thấy mà không có ý tưởng thấy.

- Xưa không biết mà nay biết, có hai:

. Tha tâm thông: Biết tâm của chúng sinh trong mười phương.

. Túc mạng thông: Từ hiện tại và đời quá khứ khác và tự thân có tám việc, sáu đồng hành tất cả đều biết.

Đại vô lượng công đức: Trong đức thứ ba, nghĩa là tâm đại từ vô duyên của Bồ-tát, như hư không chẳng có phân biệt, mà làm lợi ích khắp tất cả chúng sinh.

Mười việc lợi ích thành tựu công đức: Trong đức thứ tư, có mười việc khác nhau

Gốc sâu khó nhỏ.

Tự thân sinh ý tưởng quyết định

Chẳng quán ruộng phước và chẳng phải ruộng phước

Tu tịnh độ Phật

Dứt trừ hữu dư

Dứt trừ nghiệp duyên

Tu thân thanh tịnh

Biết rõ các duyên
 Là oán địch
 Trừ hai bên.

Trong mười thứ thì hai thứ trước là Căn bản khởi hạnh, tám thứ sau là Đức khởi hạnh.

Trong phần Căn bản khởi hạnh gốc sâu rất khó nhỏ. Nói có khả năng lập cái ban đầu. Thế kia là gì? Đó là “Bồ-tát không có cội gốc buông lung”. nếu kia là lỗi gọi là không buông lung, làm cội gốc cho Bồ-đề vô thượng nên nói là gốc, lại cùng các hạnh làm gốc nên cũng gọi là căn. Hiểu cùng tột thật tướng gọi là sâu, làm lớn mạnh thêm tín, giới, thí, vãng, trí tuệ, nhẫn, tinh tấn, niệm, định v.v... tất cả pháp lành, chẳng làm giặc ác gọi là khó nhỏ. Tự thân sinh tướng quyết định, nói về khả năng thú hưởng đến chỗ rốt ráo. Tự nhớ thân mình ở đời vị lai làm bậc pháp khí vô thượng Bồ-đề, tâm cũng như thế, không hề cầu gì khác, gọi là tự thân sinh ý tướng quyết định.

Trong tám thứ sau thì năm thứ trước là hạnh nhiếp công đức, ba thứ sau là hạnh nhiếp trí tuệ.

Phần Nhiếp công đức, hai thứ đầu là hạnh Tịnh độ, ba thứ sau là hạnh khởi Pháp thân.

Phần hạnh tịnh độ, chẳng quán ruộng phước và chẳng phải ruộng phước là nói rõ khả năng bố thí, đây là hạnh xả bỏ ước độ chướng ngại của phàm phu. Tu tịnh độ là nói rõ khả năng trì giới, đây là hạnh trang nghiêm tịnh độ. Do tu mười điều thiện là được mười điều ác, khi được đầy đủ các điều lành, chúng sinh đến sinh cõi nước kia.

Trong hạnh Pháp thân, hai thứ trước là hạnh xả bỏ thân ước, một thứ sau là hạnh trang nghiêm Pháp thân.

Trong phần xả bỏ thân ước diệt hữu dư là xa lìa khổ còn sót lại.

Dứt nghiệp duyên là trừ bỏ nhân nghiệp còn sót lại và duyên phiền não.

Những thứ này chung một lúc gọi là hữu dư, nên trong kinh Niết-bàn nói Hữu dư có ba là: Phiền não dư báo, Dư nghiệp và phiền não Dư hữu.

Dư báo là nói theo phàm phu, tất cả phàm phu Năng lực tham sân si mạn thêm lớn nên đọa vào địa ngục, từ địa ngục ra ở trong loài súc sinh thọ các thứ thân, cho đến ở trong loài người thọ quả báo ác, phạm bốn tội cấm.

Dư nghiệp là nói về mặt người học, người Tu-đà-hoàn còn thọ nghiệp bảy lần, người Tư-đà-hàm ở trong cõi Dục thọ nghiệp hai lần,

người A-na-hàm thọ nghiệp ở cõi Sắc và Vô Sắc.

Nói Dư hữu là nói theo bậc Vô học. A-la-hán và Bích-chi không nghiệp không kết, mà có kết nghiệp ở hai quả, cần phải chuyển diệt, nên kinh nói: “không nghiệp không kết mà chuyển hai quả”

Ba thứ này, Bồ-tát đều xả bỏ.

Hỏi: Bồ-tát hay xả bỏ chỗ nào?

Giải thích: Nghĩa là từ Sơ địa trở lên, trước Sơ địa tuy xả bỏ mà chưa thể dứt. Xả bỏ hai thứ trước vẫn hưởng về trước dứt trừ nghiệp duyên, xả bỏ một thứ sau vẫn là hưởng về trước dứt trừ hữu dư.

Tu thân thanh tịnh là tu hạnh mười điều lành, xa lìa mười điều ác, được các tướng tốt gọi là tu thân thanh tịnh.

Trong mười điều lành mỗi điều lành đều dùng năm thứ tâm tu tập, đó là: Hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng; tức là năm mươi. Trước tu năm mươi, sau cùng thành tựu năm mươi, hợp thành một trăm phước. Do trăm phước này thành tựu nơi tướng, như thế tu đầy đủ ba mươi hai tướng; để phá tám mươi việc thế gian, tu tám mươi vẻ đẹp.

Sau cùng trong phần tu trí, một thứ đầu là nhiếp trị, thứ sau là lìa chướng.

Biết rõ duyên là biết pháp không nhân duyên, không thật có, chẳng chấp nhân tướng, chẳng chấp sinh tướng, chẳng chấp diệt tướng, chẳng chấp một khác v.v... các tướng có không, gọi là rõ nhân duyên.

Lìa oán đối là có tám thứ ma, Bồ-tát phải xa lìa, tám thứ ma là:

Phiền não ma: Tham sân si v.v...

Năm ma Ấm: Thân năm ấm

Ma chết: Thân hoại diệt

Ma trời: Là thiên tử thứ sáu (cùng với) vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh. Bốn thứ tâm điên đảo này lại làm bốn thứ ma, chung ở trước nên nói là tám.

Ma-la là tiếng phạm, Hán dịch là Sát. Tám thứ này hại điều lành nên gọi là Sát. Lại, Bồ-tát từ Tứ địa trở xuống quán các phiền não tất cả đều trọn là oán của mình, thường tu xa lìa. Từ Ngũ trụ địa trở lên được Bất trụ đạo, theo đời giáo hóa lợi ích, chẳng cho tất cả phiền não là oán, theo đó mà thọ thân giáo hóa chúng sinh. Trong kinh Phương Đẳng, chỉ cho phỉ báng là oán lớn, sợ hãi mà xa lìa. Kinh nói như thế.

Lìa hai bên: Sinh tử có quả là một bên, ái nhân phiền não là một bên, Bồ-tát đều xa lìa.

Việc quả báo công đức:

Trong đức thứ năm, có năm việc khác nhau:

Các cội gốc đầy đủ sáu căn chẳng thiếu.

Không sinh ở biên địa, mà thường được sinh ra ở trung tâm đất nước, là nơi văn vật có nhiều sự văn minh tiến bộ.

Các vị trời ưa nhớ đến.

Được tất cả trời, người và đạ chúng cung kính cúng dường.

Được trí Túc mạng.

Hai câu đầu là quả báo đầy đủ, hai câu giữa là phước, một câu sau là trí.

Tâm tự tại công đức: Đức thứ sáu, là định Kim cang. Như trong chương Kim cang Tam-muội ở trước có phân biệt rộng.

Tu tập đối trị công đức: Trong đức thứ bảy, có bốn việc khác nhau:

Gần gũi thiện tri thức

Chuyên tâm nghe pháp

Buộc niệm tư duy

Đúng như pháp mà tu hành.

Dùng bốn thứ này đối trị các lỗi, nên kinh nói: “Thí như người bệnh đến thầy thuốc, chỗ thầy thuốc là nói về thuốc. Dốc lòng khéo nhận theo lời dạy bảo hợp thuốc bệnh liền bình phục”. Người bệnh là dụ cho Bồ-tát khởi hạnh, đến thầy thuốc là dụ cho gần gũi thiện tri thức, thọ giáo là dụ cho chuyên tâm nghe pháp, hợp thuốc là dụ cho tư duy, bình phục là dụ cho tu hành, bệnh là dụ cho thân, an vui là dụ cho Niết-bàn.

Đối trị thành tựu công đức:

Trong đức thứ tám, đầy đủ có tám môn:

Dứt năm việc

Lìa năm việc

Thành tựu sáu việc

Tu năm việc

Giữ một việc

Gần bốn việc

Tin thuận một sự thật

Tâm khéo giải thoát, tuệ giải thoát.

- Dứt năm việc: Tức là năm ấm, nghĩa năm ấm như trong chương năm ấm ở trước có phân biệt giải thích rộng. Bồ-tát suy tìm biết không thật có nên dứt được.

- Lìa năm việc: Tức là năm kiến chấp, năm chấp là: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ. Nghĩa này như trong mười sử

ở trước đã giải thích, Bồ-tát đã xa lìa.

- Thành tựu sáu việc: Là sáu tâm niệm. Sáu tâm niệm là: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí và niệm Thiên. Cũng như ở trước đã giải thích.

- Tu năm việc: Biết định, nghĩa là Sơ thiền. Do kia có giác có, quán nên gọi là biết.

Tịch định, là Nhị thiền. Kia diệt giác, quán, nên nói là tịch định.

Thân tâm lạc định, là Tam thiền. Kia an vui cao siêu nên gọi là vui sướng.

Vô lạc định, là Tứ thiền cho đến Phi tưởng. Kia dứt bặt bốn thọ nên gọi là Vô lạc. Bốn việc định là như vậy.

Thủ-lãng-nghiêm, là Lý định kia. Thủ-lãng-nghiêm dịch là tất cả việc đều xong. Chữ nghiêm là bền chắc.

- Giữ một việc: Nghĩa là tâm bồ-đề, cũng như ở trước đã giải thích.

- Gắn gũi bốn việc: Nghĩa là bốn vô lượng, cũng như trên giải thích.

- Tin một thật: Nghĩa là một Đại thừa. Theo sự giáo hóa nên nói có ba, thật chỉ có một Đại thừa, nên nói chỉ một thật.

- Tâm, tuệ giải thoát: Là diệt tham sân si, tâm được giải thoát. Đối với tất cả pháp biết vô ngại nên tuệ được giải thoát. Diệt tham sân si tức là năm trụ tánh mất, chỗ được gọi là Chân đế tâm thoát. Đối với tất cả pháp biết vô ngại là đối với sự không biết tận cùng, cái gọi là Thế đế tuệ thoát.

Tu tập chánh đạo công đức: Trong đức thứ chín, có năm thứ khác nhau:

1. Tâm tin.
2. Tâm thẳng.
3. Tâm giới.
4. Gần bạn lành.
5. Nghe nhiều.

Cho nên kinh nói: “Tu đại Niết-bàn, trước là phát khởi năm việc”. Do ban đầu phát khởi nên cao quý tiến lên.

- Tâm tin: Tin là tin Tam bảo, Hai đế, Bồ thí có quả báo, Khéo dùng phương tiện và Rốt ráo Nhất thừa. Những thứ này cũng như trong Luận Địa Trì nói tin có tám chỗ: Tam bảo là ba, Nhị đế, trong Luận Địa Trì gọi là nghĩa chân thật, Bồ thí có quả báo, trong Luận Địa Trì gọi là các thứ nhân quả, Khéo dùng phương tiện, trong Luận Địa Trì gọi

là được phương tiện, Rốt ráo nhất thừa, trong Luận Địa Trì gọi là được nghĩa. Nhân bồ-đề kia gọi là phương tiện. Quả bồ-đề kia gọi là được nghĩa. Trong đây lược bớt không nói đến Năng lực thần thông của chư Phật và các Bồ-tát.

- Tâm thẳng: Đối với tự mình phạm lỗi cần phải phát lồ sám hối trừ bỏ ngay, không có ý che giấu lỗi, nên gọi là Trực tâm. Lại dùng tâm chân thật che giấu các lỗi của chúng sinh, khen ngợi các việc lành của họ, nghĩa là Phật tánh, khiến kia phát tâm, cũng gọi là Tâm thẳng.

- Tâm giới: Bồ-tát giữ vững giới cấm, tâm chân chánh hưởng về bồ-đề không cầu gì khác, chẳng thọ giới chim gà của ngoại đạo.

- Gần bạn lành: chư Phật, Bồ-tát là bạn lành, thường phải gần gũi.

- Nghe nhiều: Thường có sáu thứ:

Theo y kinh Niết-bàn thọ trì, tán tụng mười hai bộ kinh, biên chép cúng dường, gọi là nghe nhiều.

Trừ mười một bộ, chỉ trì kinh Phương Quảng, gọi là nghe nhiều.

Trừ mười hai bộ, chỉ trì kinh Niết-bàn, gọi là nghe nhiều.

Trừ toàn thể kinh Niết-bàn, chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu, gọi là nghe nhiều.

Trừ bài kệ bốn câu, chỉ thọ trì Như Lai thường trụ bất biến, gọi là nghe nhiều.

Trừ việc đó, nếu biết Như Lai thường không nói pháp cũng gọi là nghe nhiều.

Vì sao chẳng nói kinh? Tự giải thích rằng: Các pháp không tánh, tuy nói các pháp mà thường không có chỗ nói.

Chánh đạo thành tựu công đức: Đức thứ mười, nghĩa là ba mươi bảy phẩm của Bồ-tát, là nghĩa như sau ở trong chương Đạo phẩm có giải thích rộng.

3. Đối năm hạnh quyết định phân biệt giai vị

Nói năm hạnh là:

1. Hạnh Thánh
2. Hạnh Phạm
3. Hạnh Trời
4. Hạnh Bệnh
5. Trẻ thơ hạnh.

Nghĩa này như trong chương Ngũ Hạnh ở trước có giải thích rộng. Nói chung thì năm hạnh và mười đức đều trùm khắp trước sau, là các

Bồ-tát thường tu nên theo tướng phân biệt. Năm hạnh trước các địa, mười đức là từ Sơ địa trở lên. Làm sao biết được năm hạnh là trước các địa? Như trong kinh Niết-bàn nói: “Sơ địa trở lên là địa bất động, kham nhẫn, vô úy, tốt cùng ái và địa rộng không bình đẳng, là năm hạnh quả”. Nói rõ là trước Sơ địa, làm sao biết được mười đức từ Sơ địa trở lên? Như trong kinh nói: Mười đức của Bồ-tát không thể nghĩ bàn, chẳng phải là thế pháp, thế gian chẳng có”. Nói rõ chẳng phải trước Sơ địa.

Mười đức là như thế.

17. NGHĨA MƯỜI PHÁP THẤY TÁNH:

Mười pháp thấy tánh như trong kinh Niết-bàn nói gồm có:

- Ít muốn
- Biết đủ.
- Vắng lặng
- Tinh tấn
- Chánh niệm
- Chánh định
- Chánh tuệ
- Giải thoát
- Khen ngợi giải thoát
- Dùng đại Niết-bàn giáo hóa chúng sinh.

Trong mười thứ này chứa đựng nhiều nghĩa. Như Lai tự năm lần giải thích, trong đó nghĩa xen lẫn, khó thể phân biệt tên.

Trong phần thứ nhất, ít muốn biết đủ đối nhau giải thích rõ. Trong kinh trước đối với pháp bất thiện nói Bồ-tát ít muốn biết đủ. Sau đối với pháp lành nói về Bồ-tát muốn nhiều, không biết đủ.

Theo bốn nghĩa bất thiện giải thích có khác, như:

Ít mong cầu gọi là Thiểu dục. Nếu có thiếu thốn chỉ nhờ nghĩ pháp lành, tâm không sầu não, gọi là Tri túc.

Chẳng từ người khác cầu, cũng không tự mình thủ, gọi là Thiểu dục. Khi được ít, tâm không hối hận, gọi là Tri túc.

Chưa được pháp mà phá được ba thứ dục, gọi là Thiểu dục. Được mà không mê đắm, gọi là Tri túc.

Nói về Ba dục, có:

- Ái dục: Muốn làm bậc thượng thủ của tất cả đại chúng, khiến tất cả tăng theo mình, khiến điều ta nói bốn chúng đều tin nhận, tất cả trời người đều tôn kính, khen ngợi cúng dường ở nơi ta.

- Đại dục: Muốn cho tất cả người thế gian đều cho rằng mình đã được quả Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, được trụ Sơ địa cho đến quả Phật, được thiên giải thoát và tất cả công đức.

- Dục dục: Nguyện sinh ở nơi nào cũng đều vào nhà Bà-la-môn, nguyện sinh lên cõi trời cho đến Phạm Thiên.

Chẳng cầu người khác cung kính, gọi là Thiểu dục, được các vật không chứa để gọi là Tri túc.

Trong phần thứ hai, từ trên đến đây đối với việc ác đã nói về ít muốn biết đủ của Bồ-tát. Nay kể là đối với việc lành nói về nghĩa ham muốn nhiều, không biết đủ. Nói rõ có bốn trường hợp:

Ít ham muốn mà không biết đủ: Nghĩa là Tu-đà-hoàn cầu Niết-bàn nhỏ, tâm học hỏi chưa dừng gọi là không biết đủ. Lại nói về Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm cũng đồng như vậy.

Biết đủ mà không ít ham muốn: Nghĩa là Bích-chi-phật tự chỗ được sinh tướng rất ráo, gọi là Tri túc. Bích-chi-phật giáo hóa người chỉ hiện thân thông mà không biết nói pháp, thường cầu ở tâm mà chẳng ít muốn.

Ít ham muốn cũng biết đủ: Nghĩa là A-la-hán cũng không có mong cầu gọi là ít muốn. Tự cho là rất ráo nên gọi là Tri túc.

Không ít ham muốn cũng không biết đủ: Nghĩa là Bồ-tát cầu vô lượng pháp lành đại bồ-đề, nên không ít ham muốn. Tự chỗ được không nghĩ là đủ gọi là không biết đủ.

Nhưng hai hạnh này có thiện và bất thiện, chỗ thật hành của phàm phu gọi là bất thiện, cầu người khác mà biết. Chỗ thật hành của bậc Thánh gọi là thiện, chỗ hành chẳng ham muốn khiến người khác biết.

Nói về vắng lặng, luận rõ có bốn:

Thân yên tĩnh mà tâm chẳng yên tĩnh: Nghĩa là có tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ mà tâm tích chứa tham sân si.

Tâm vắng lặng mà thân chẳng vắng lặng: Nghĩa là có tỳ-kheo gần gũi bốn chúng mà tâm không phiền não.

Thân tâm đều chẳng vắng lặng: Nghĩa là hàng phàm phu.

Thân tâm cả hai đều vắng lặng: Nghĩa là Phật và Bồ-tát thân vắng lặng nên xa lìa Sác, đạo, dâm. Tâm vắng lặng nên xa lìa tham sân si.

Bồ-tát ba nghiệp không lỗi cũng gọi là vắng lặng, ba nghiệp siêng năng lìa lỗi để tu điều hành gọi là Tinh tấn. Đầy đủ sáu tâm niệm nên gọi là Chánh niệm, được Tam-muội cao siêu gọi là Chánh định, quán các pháp không gọi là Chánh Tuệ. Dứt các phiền não gọi là giải thoát. Dứt các phiền não nên được đại Niết-bàn, không xả bỏ đại nguyện nên

nói giáo hóa chúng sinh.

Bốn thứ ái dục:

Ham thích y phục: Mặc y phần tảo để đối trị.

Ham thích ăn: Lấy sự khát thật để nuôi sống.

Ham thích đồ ngồi: Ở dưới gốc cây để đối trị.

Có tạo nghiệp: Vì có tạo nghiệp, thân tâm vắng lặng để đối trị.

Trụ bốn Thánh chủng gọi là biết đủ, trụ bốn thứ an vui gọi là vắng lặng.

Nói về bốn thứ yên vui:

Xuất gia yên vui: Nghĩa là trì giới được yên vui.

Vắng lặng an vui: Trong Luận Địa Trì gọi là xa lìa yên vui, nghĩa là: Sơ thiên lìa ác dục bất thiện gọi là vắng lặng.

Diệt hẩn yên vui: Trong Luận Địa Trì gọi là vắng lặng yên vui, nhị thiên trở lên giác quán dừng nghĩ gọi là diệt hẩn.

Rốt ráo yên vui: Trong Luận Địa Trì gọi là Bồ-đề yên vui. Thánh đạo xuất thế, một phen được không lui sụt gọi là Rốt ráo.

Đầy đủ bốn chánh căn gọi là tinh tấn, đầy đủ bốn niệm xứ gọi là Chánh niệm. Được Tứ thiên gọi là Chánh định. Đầy đủ bốn Thánh đế gọi là Chánh tuệ. Dứt hẩn phiền não gọi là Giải thoát. Quả trách phiền não hiển bày giải thoát cao quý, gọi là khen ngợi giải thoát. Mười thứ như trước.

Trong phần thứ ba: Lìa việc thế gian gọi là ít muốn, đã xuất gia rồi không sinh tâm hối hận, gọi là biết đủ. Ở chỗ nhàn nhã gọi là vắng lặng. Nhớ mình chưa được đạo quả Sa-môn đối nói khiến người khác cho rằng mình đã được, sinh tâm hổ thẹn nhanh chóng, siêng tu, gọi là Tinh tấn. Gắng đại Niết-bàn gọi là Chánh niệm. Thuận theo hạnh trời gọi là Chánh định. Bồ-tát tám thiên là hạnh trời kia, thấy biết chân chánh gọi là Chánh tuệ. Thấy biết chân chánh phá được phiền não, gọi là Giải thoát. Bồ-tát Thập trụ vì chúng sinh khen ngợi Niết-bàn gọi là khen ngợi giải thoát.

Mười hạnh như thế.

Trong phần thứ tư: mười hai hạnh đầu-đà gọi là ít muốn. Hành là ngay nơi việc không sinh tâm hối hận gọi là biết đủ. Tu Tam-muội Không gọi là vắng lặng. Được tứ quả rồi, đối với đại bồ-đề tâm không dừng nghĩ gọi là Tinh tấn. Tư duy Như Lai thường hằng bất biến gọi là Chánh niệm. Tu tám thứ giải thoát gọi là Chánh tuệ. Lìa bỏ bảy thứ lậu gọi là Giải thoát. Bảy thứ lậu như ở trước trong phần nhóm Phiền não có phân biệt rộng. Khen ngợi Niết-bàn gọi là Xưng tán giải thoát.

Mười thứ là như thế.

Trong phần thứ năm: Phá trừ siểm khúc gọi là ít muốn. Học hạnh Như Lai gọi là biết đủ. Gần cửa Niết-bàn và năm thứ yên vui gọi là vắng lặng.

Nói về năm thứ yên vui, như Luận Địa Trì nói năm thứ an vui là:

Vui đồng.

Vui thọ nhận.

Vui đối trị khổ.

Vui dứt thọ.

Vui không tội.

Cũng có thể là Bốn thiền và Thủ lăng nghiêm gọi là năm thứ yên vui.

Giữ vững giới cấm gọi là Tinh tấn. Có hổ thẹn gọi là Chánh niệm. Không thấy tâm tướng gọi là Chánh định. Không cầu tánh tướng các pháp nhân duyên gọi là Chánh tuệ. Dứt các phiền não gọi là Giải thoát. Vì người khác khen ngợi gọi là Khen ngợi giải thoát.

Mười pháp như thế tuy thấy Phật tánh mà không rõ ràng, chưa đồng với Phật.

Mười pháp là như thế.

18. NGHĨA MƯỜI NHÂN NIẾT-BÀN:

Mười nhân Niết-bàn, như trong kinh Niết-bàn nói:

1. Tín
2. Giới
3. Gần bạn lành
4. Vắng lặng
5. Tinh tấn
6. Đầy đủ chánh niệm
7. Nói lời dịu dàng
8. Hộ pháp
9. Bố thí
10. Tuệ chân chánh.

- Tín: Bồ-tát tin Phật pháp tăng là thường hằng bất biến, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

- Giới: Bồ-tát giữ vững giới cấm không làm tất cả, chỉ vì nghĩa tối thượng bậc nhất.

- Gần bạn lành: Nếu có khả năng nói tín, giới, thí, văn, trí tuệ v.v... khiến hành giả thường gần gũi.

- Vãng lạng: Quán sâu pháp giới thân tâm không loạn động.
 - Tinh tấn: Thường quán bốn Đố, như lửa cháy dầu không hề lơ lửng xả bỏ.
 - Đầy đủ chánh niệm: Đầy đủ sáu tâm niệm: Niệm Phật, pháp, tăng, giới, thí và thiên.
 - Lời nói dịu dàng: Lìa bốn lỗi của miệng, cùng các ngôn ngữ thô ác của chúng sinh.
 - Hộ pháp: Thường tự vui với pháp, thọ trì, tán tụng, biên chép, cúng dường, tư duy nghĩa kia, vì người khác nói rộng. Thấy người hộ pháp liền cúng dường các thứ.
 - Bồ thí: Bồ-tát đối với người đồng pháp hễ họ cần gì liền cung cấp tất cả.
 - Tuệ chân chánh: Quán Sát Như Lai thường trụ không thay đổi. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, quán tất cả pháp hoặc có, hoặc không, hoặc thường, hoặc vô thường.
- Hai đố như thế, có các thứ khác nhau, do mười thứ này sẽ thấy Niết-bàn.
- Mười nhân như thế.

19. NGHĨA MƯỜI NĂNG LỰC CỦA BỒ-TÁT:

Mười năng lực của Bồ-tát phát xuất từ Luận Đại Trí độ. Tâm hành vững chắc, pháp ma chẳng hoại gọi là năng lực. Nghĩa Năng lực chẳng đồng, một môn nói có mười năng lực là:

- Năng lực Phát tâm vững chắc: Cầu tất cả trí không lui sụt.
- Năng lực Đại từ: Thường không xả bỏ chúng sinh.
- Năng lực Đại bi: Không cầu lợi dưỡng giáo hóa chúng sinh.
- Năng lực Tinh tấn: Tin sinh ra các Phật pháp.
- Năng lực Thiên định: Tuy khởi trí tuệ oai nghi mà hạnh không hoại mất.
- Năng lực trí tuệ đầy đủ: Xa lìa hai bên, thuận theo mười hai nhân duyên, dứt các tà kiến, dứt hý luận.
- Năng lực không chán: Thường thọ sinh tử giáo hóa chúng sinh, tu tập các hạnh lành không nhàm chán.
- Năng lực Vô sinh nhẫn: Quán thật tướng các pháp biết vô ngã.
- Năng lực giải thoát: Nhập ba môn giải thoát và biết Hai thừa được giải thoát.
- Năng lực trí Vô ngại: Đối với pháp tự tại, biết chỗ thú hưởng tâm của chúng sinh.

Lại, trong Hoa Nghiêm nói mười năng lực cùng mười thứ ở trước có đồng có khác mười năng lực là:

Năng lực Trực tâm: Tất cả thế giới đều không đấm trước.

Năng lực Thâm tâm: Không hoại tất cả Phật pháp

Năng lực Phương tiện: Làm tất cả hạnh Bồ-tát rốt ráo.

Năng lực Trí tuệ: Biết được tâm chúng sinh.

Năng lực Nguyện: Khiến tất cả chúng sinh năng lực nguyện đầy đủ.

Năng lực Hạnh: Tận mé vị lai không đoạn tuyệt.

Năng lực Thừa: Xuất sinh hiện khắp tất cả các thừa.

Năng lực Thần thông: Nơi một sợi lông thị hiện tất cả thế giới thanh tịnh, tất cả Như Lai xuất phát từ thế giới.

Năng lực Bồ-đề: Giác ngộ bồ-đề cùng tất cả tâm niệm chúng sinh.

Năng lực Xoay bánh xe pháp: Đối với một câu pháp mà phân biệt nói rộng, thuận theo tất cả các căn của chúng sinh đều được hội nhập.

Trong mười thứ này, ban đầu là năng lực Trực tâm, tức trong mười thứ trước đầy đủ năng lực trí tuệ và năng lực vô sinh nhẫn. Thứ hai là năng lực Thâm tâm, trong mười thứ trước là năng lực Tinh tấn. Thứ sáu là năng lực Hạnh, tức là trong mười thứ trước thuộc về năng lực Bất yếm. Thứ tư là năng lực Trí tuệ, thứ mười là năng lực Chuyển pháp luân, tức năng lực trí Vô ngại trong mười thứ trước. Thứ năm là Nguyện, là năng lực Phát tâm vững chắc trong mười thứ trước. Thứ bảy là năng lực Thừa, tức năng lực Giải thoát trong mười thứ trước. Do biết pháp Ba thừa giải thoát, trong mười thứ sau, năng lực Thần thông, năng lực Bồ-đề ở mười thứ trước chẳng luận. Trong mười thứ trước, nói sức Từ sức Bi, sức Định, mười thứ sau chẳng nói.

Lại, trong Thủ-lăng-nghiêm còn nói mười năng lực là:

Năng lực tâm Bồ-đề, giữ vững không mất.

Đối với Phật pháp không thể nghĩ bàn được năng lực tín sâu, tin sâu không nghi ngờ.

Đối với nghe nhiều được năng lực không quên, giữ vững không mất.

Qua lại trong sinh tử được năng lực không mệt mỏi, thường ở các nơi.

Đối với chúng sinh được năng lực Đại bi, thường hay nhiếp hóa.

Đối với sự bố thí được năng lực Xả bỏ, thường bố thí không dừng.

Đối với việc trì giới được năng lực Bất hoại, giữ vững chẳng phạm.
 Đối với sự nhẫn nhục được năng lực chịu, đứng thường hay nhẫn chịu.

Ma không thể hoại được năng lực Trí tuệ, chẳng bị ma làm động.
 Đối với pháp sâu xa được năng lực Tín lạc, ưa cầu không nhầm chán.

Trong mười thứ này cùng chỗ nói về mười năng lực của Luận Đại Trí có đồng có khác.

Năng lực tâm Bồ-đề ban đầu là năng lực Phát tâm vững chắc ban đầu của phần kia. Thứ hai là năng lực tín sâu sức Tin tinh tấn sâu xa thứ tư của phần kia, tin sinh ra các Phật pháp. Thứ tư là năng lực không mỏi mệt tức là năng lực Vô tỷ thứ bảy của phần bên kia. Thứ năm là phát sinh năng lực Đại bi là năng lực Đại từ thứ hai của phần kia. Thứ ba là năng lực đại bi và thứ chín đối với ma được Trí Tuệ tức là năng lực Cụ trí tuệ thứ sáu bên kia, và thứ mười là năng lực trí Vô ngại Đại bi. Thứ mười là Đối với pháp sâu xa được năng lực Tín lạc là Vô sinh nhẫn, Tín lạc lực thứ tám và Giải thoát Tín lạc lực thứ chín ở phần kia.

Trong đây, năng lực Đa văn, năng lực, Bồ thí năng lực, Trì giới năng lực, Nhẫn nhục trong phần kia không có nói đến. Trong ấy năng lực định chỗ này chẳng nói.

Mười năng lực là như thế.

20. NGHĨA MƯỜI VÔ ÚY CỦA BỒ-TÁT

Chia ra hai môn:

- 1- Nói về tướng.
- 2- Đối với mười vô úy nói về có đồng có khác.

1. Nói về tướng:

Mười vô úy này xuất xứ từ kinh Hoa Nghiêm, mười vô úy ấy là:

Không sợ điều có khả năng nghe giữ hỏi đáp.

Không sợ trừ diệt nghi ngờ của chúng sinh.

Không sợ thấy tất cả không lìa tà kiến.

Không sợ được uy nghi của Phật.

Không sợ ba nghiệp lìa lỗi trong sạch.

Không sợ các vị trời, thiện thần và tất cả chư Phật che chở.

Không sợ đều có khả năng thọ trì tất cả Pháp của Phật.

Không sợ thị hiện thọ sinh mà không bị sinh tử làm hoặc loạn.

Không sợ an trụ Đại thừa đều có khả năng thị hiện các thừa.

Không sợ khấp vì ứng hiện tùy hóa chúng sinh không dứt hạnh nguyện của Bồ tát.

2. Đối với mười vô úy có đồng có khác: Kế là đối với Bồ-tát, bốn thứ vô úy có đồng có khác. Nghĩa Bốn vô úy (bốn việc không sợ) như trước nói rộng:

- Không sợ tổng trì nói pháp.
- Không sợ biết thuốc pháp và biết tánh tâm căn dục của chúng sinh nói pháp giáo hóa.
- Không sợ khéo hay hỏi đáp nói pháp.
- Không sợ có khả năng dứt nghi hoặc cho chúng sinh nói pháp giáo hóa.

Phần thứ nhất trong mười thứ, tức là thứ nhất và thứ ba trong bốn thứ. Phần thứ hai trong mười thứ, tức phần vô úy thứ tư trong bốn thứ. Phần thứ ba, thứ bảy và thứ chín trong mười thứ, tức là phần thứ hai biết pháp dục vô úy (không sợ) trong bốn thứ nên ngoài ra khác nhau.

Vô úy(không sợ) là như thế.

21. NGHĨA BA THỪA CỘNG ĐỊA

Chia làm ba môn:

- 1- Giải thích tên, nói về tướng.
- 2- Theo tiểu mà nói đại.
- 3- Nói về thông suốt hạnh của Bồ Tát.

1. Giải thích tên gọi nói về tướng:

Ba thừa cộng địa như trong phẩm Đăng Chu trong kinh Đại Phẩm nói: “Chỗ trụ của tất cả hiền Thánh gọi là Địa”. Địa chia ra khác nhau, một môn nói có mười thứ. Nói Ba thừa cộng địa là phân biệt Bồ-tát có pháp riêng của Thập địa nên nói là cộng, thế nào là mười Địa.

1. Càn Tuệ địa
2. Tánh địa
3. Bát nhân địa
4. Kiến địa
5. Bạc địa
6. Ly dục địa
7. Dĩ tác địa
8. Bích-chi-phật địa
9. Bồ-tát địa
10. Phật địa

Đối với mười thứ này, được tên có hai, thừa chia có ba, nhân quả chia làm sáu, địa nói có mười.

Được tên có hai là: Bảy thứ trước y cứ pháp để nói tên, và ba thứ sau là theo nhân để đặt tên, được ngay lẫn nhau đều từ đây. Do lập đặt tên khác nhau, cho nên như thế.

Thừa có chia làm ba: Bảy thứ đầu là Tiểu thừa, một thứ kế là Trung thừa, hai thứ sau là Đại thừa.

Nhân quả có sáu: Bảy thứ đầu là nhân quả Tiểu thừa, một thứ kế là nhân quả Trung thừa, hai thứ sau là nhân quả Đại thừa.

Địa chia ra làm mười tên, như ở trên lược nêu.

Nói Càn tuệ nghĩa là Thanh văn, tu năm pháp quán dừng tâm, niệm xứ chung riêng. Đối với địa vị này có hạnh siêng tu tinh tấn trì giới, hoặc quán bất tịnh, hoặc tu từ bi, hoặc quán nhân duyên, hoặc phân biệt giới, hoặc số tức, hoặc tu tập Tam-muội. niệm Phật Đối với bốn niệm xứ quán Sát chung riêng. Tướng chung trong đạo phẩm ở sau có phân biệt rộng. Những thứ này đều nhờ chung để quán hạnh. Tuy có trí tuệ mà chưa được nước định, nên nói (càn tuệ) Tuệ khô. Lại, việc quán này chưa được nước lý cũng gọi là Tuệ khô, vì chưa quán bốn Đế, mười hạnh.

Nói Tánh địa, luận chép: Từ Noãn đến pháp đệ nhất thế gian nương thiền tu tập Bốn chân đế quán thành tánh bậc Thánh, nên nói tánh địa là nương các thiền nào? Nghĩa là bốn căn bản Trung gian, Vị lai.

Bát nhân địa, luận: Khổ nhãn đến Đạo tử nhãn, tu đầy đủ tám thứ nhãn, gọi là tám nhân địa.

Nói Kiến địa, luận giải thích: Ban đầu được quả Thánh, nghĩa là Tu-đà-hoàn đạo tử trí tâm kiến lý khắp tột cùng, nên nói Kiến địa.

Hỏi: Vì sao trong Ba đạo: Kiến, Tu và Vô học thì Tu-đà-hoàn hưởng gọi là Kiến đạo, trong địa này quả Tu-đà-hoàn gọi là Kiến địa?

Giải thích: Nghĩa kiến có hai thứ:

Tìm cầu gọi là kiến: Phần nhiều ở các nhãn.

Minh bạch gọi là kiến: Phần nhiều ở các trí.

Tu-đà-hoàn hưởng trong đó nghĩa tìm cầu đầy đủ. Trong Ba đạo gọi là Kiến đạo, trong quả Tu-đà-hoàn rõ ràng mới nói đầy đủ gọi là Kiến địa, mỗi thứ y cứ một nghĩa không có sự trái nhau.

Nói Bạc địa, luận giải thích: Hoặc Tu-đà-hoàn, hoặc Tư-đà-hàm có khả năng làm mỏng(bạc) Dục kết nên gọi là Bạc Địa.

Nói Tu-đà, chín phẩm với dục trong tu đạo hoặc từ dứt một phẩm,

cho đến phẩm thứ sáu đạo Vô ngại, là kia tiến hưởng đến quả Tu-đà-hoàn, nên gọi Tu-đà.

Tư-đà-hàm từ dứt sáu phẩm cho đến phẩm thứ chín đạo Vô ngại, gọi chung là Tư-đà.

Dứt phẩm thứ sáu giữ quả Tư-đà, dứt phẩm thứ bảy cho đến phẩm thứ chín đạo vô ngại tiến hưởng đến Tư-đà.

Ly dục địa là A-na-hàm, từ dứt hết phẩm thứ chín cõi Dục, cho đến A-na-hàm Tam-muội Kim-cang, gọi chung là NA-hàm.

Lìa dục cõi Dục gọi là Ly dục địa. Người này cũng dứt được phiền não trên. Từ ban đầu dùng ngôn ngữ nói là ly dục.

Dĩ-tác địa là quả A-la-hán. Thành tựu Tận trí, Vô sinh trí gọi là Dĩ-tác. Nói Tận trí là hiện dứt hết các lậu, trí Vô sinh là không khởi.

Bích-chi địa là trong hàng Duyên giác, từ nhân đến quả gọi chung là Bích-chi. Bích-chi là tiếng phạm, Hán dịch là Nhân Duyên giác. Nhờ duyên việc hiện tại mà được giác ngộ, chẳng nhờ người khác dạy gọi là Nhân Duyên giác. Lại, do trong pháp mười hai nhân duyên mà được giác ngộ cũng gọi là Duyên giác.

Bồ-tát địa: Từ mới phát tâm cho đến Pháp Vân địa, Bồ-tát là tiếng phạm, Hán dịch là Đạo Chúng Sinh. Tu đầy đủ đạo tự lợi lợi tha gọi là Đạo chúng sinh. Lại, do người này ở trong đạo được giải hội, từ chỗ hội kia gọi là Đạo chúng sinh.

Phật địa: Tâm Kim-cang hậu chủng trí đức đầy đủ, giác tột cùng pháp tánh gọi là Phật địa.

Hỏi: Vì sao Tiểu thừa chia làm bảy, Trung thừa làm một và Đại thừa chia làm hai ?

Giải thích: Những thứ này dùng lẫn nhau đều được, nên nay y cứ pháp môn ly hợp mà lập ra thuyết này. Do Thanh văn, Duyên giác hạnh thô dễ chia, nên chia làm bảy. Duyên giác một phen nhập vô lậu đến quả mới xuất, tướng khác khó chia nên hợp thành một. Trong pháp Đại thừa quả đức cao vượt, khác hơn các bậc Thánh, lý phải lập riêng, nên chia làm hai. Bởi y cứ một môn mà nói như vậy. Nếu nhập các môn khác chia Đại thừa mà hợp Trung, Tiểu thừa. Như Địa kinh nói: “Pháp hạnh Thanh văn, pháp hạnh Duyên giác, pháp hạnh Bồ-tát, pháp hạnh Như Lai”. Hoặc chia Tiểu thừa mà hợp Trung thừa, Đại thừa. Như kinh Niết-bàn chép: “Bảy người bên sông Hằng” chính là nghĩa này. Kia chia Tiểu thừa ra làm năm. Ban đầu từ trụ nhân cho đến hạng thứ bảy, dưới nước trên cạn đều đi. Bích-chi, Bồ-tát cùng với Như Lai, đều nói là dưới nước trên cạn đều đi. Như đây trong kinh, nghĩa ly hợp rất nhiều,

không thể nói hết được.

2. Theo tiểu mà nói đại:

Như Ngài Long Thọ nói: “Cần tuệ của Thanh văn, trong các Bồ-tát gọi là mới phát tâm. Hàng chủng tánh trở xuống khéo thú hưởng, ban đầu cầu bồ-đề gọi là mới phát tâm. Tánh địa của Thanh văn trong các Bồ-tát gọi là Nhu thuận nhãn. Tám hạng Thanh văn trong Bồ-tát gọi là Vô Sinh nhãn. Nhập địa vị Bồ-tát gọi là Sơ địa. Tâm ban đầu nhập địa là Vô sinh nhãn. Khác nhau kinh Nhân Vương, Địa luận nói về bảy thứ địa trở lên mới gọi là Vô sinh. Thanh văn kiến địa đối với hàng Bồ-tát gọi là A-tỳ-bạt trí, đây mới là Sơ địa chánh trụ trở lên, cho đến địa mãn an trụ bất thối gọi là A-tỳ-bạt trí. Thanh văn bạt địa đối với hàng Bồ-tát, vượt hơn A-tỳ-bạt trí, dứt các tập khí, phiền não cũng mỏng, đây từ Nhị địa đến Thất địa, tu đạo dứt chướng gọi là dứt phiền não. Thanh văn lìa dục trong các Bồ-tát, nhân duyên lìa dục được năm thần thông. Đây là từ Bát địa đến Thập địa của đoạn Phật tâm, gọi là lìa dục. Cõi Phật tịnh độ thần biến tự tại, biết tâm chúng sinh ứng theo đó mà nói pháp, gọi là được năm thần thông. Thanh văn đã tạo tác trong Đại thừa gọi là Phật địa. Kia chính luận chỗ chủ nhân giải thích bảy địa trong Tiểu thừa khác nhau. Thừa là để nói lên địa vị Đại thừa, chẳng phải trong bảy thứ trước đã bao gồm Đại thừa. Nếu trong bảy thứ trước đã bao gồm Đại thừa thì đâu cần ở sau lại nói Bồ-tát và Phật địa, người mê lầm kia rất cần hiểu biết.

3. Nói về hạnh chung và riêng của Bồ Tát:

Riêng là Bồ-tát chỉ hành địa thứ chín, cho nên địa thứ chín gọi là Bồ-tát địa. Chung tức là mười địa Bồ-tát đều hành cả. Nên Đại phẩm nói: “Bồ-tát phải nên trọn hành Thập địa, ban đầu từ Cần Tuệ cho đến Phật địa”.

Hỏi: Hạnh của Bồ-tát ở hai địa sau, nghĩa rất dễ hiểu. Hạnh của tám địa trước nghĩa như thế nào?

Giải thích: Có hai nghĩa:

Nói theo tự hạnh, tự trong chỗ hạnh tương thô cạn đồng với Nhị thừa, nên gọi là Hạnh chung.

Giải thích theo ngoại hóa, vì giáo hóa chúng sinh nên hiện hạnh. Cho nên Thiên nữ nói: “Dùng pháp Thanh Văn giáo hóa chúng sinh nên ta làm Thanh văn. Dùng pháp nhân duyên giáo hóa chúng sinh, nên ta làm Bích-chi”. Kinh Pháp Hoa cũng nói: “Biết chúng sinh ưa Tiểu thừa

sợ Đại trí, cho nên Bồ-tát làm Thanh văn, Duyên giác”. Ngài Long Thọ cũng nói: “Ngài Văn thù trải qua bảy mươi ức kiếp ở quá khứ trở lại làm Bích-chi-phật giáo hóa chúng sinh”, nên nói quá khứ làm Bích-chi-phật, lý thật quá khứ cũng làm Thanh văn.

Ba thừa cộng địa nói lược như thế.

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG QUYỂN 14